

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT



HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành: DU LỊCH

Mã số: 7810101

Tên cơ sở đào tạo: ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

BÌNH DƯƠNG, NĂM 2020

MỤC LỤC HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo	
2	Báo cáo quá trình xây dựng đề án	
3	Biên bản họp Hội đồng Khoa học Trường	
4	Quyết định mở ngành đào tạo hệ đại học chính quy các ngành Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Du lịch; Toán kinh tế	
5	Phụ lục I - Chương trình đào tạo	
	Phụ lục II - Biên bản kiểm tra thực tế điều kiện về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện	
	Phụ lục III - Đề án mở ngành	
	Phụ lục IV - Danh sách lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên	
	Phụ lục V - Phiếu tự đánh giá thực hiện điều kiện mở ngành	
6	Khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực - Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực - Ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động	
7	Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Nhóm soạn thảo chương trình đào tạo - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo - Kết luận của Hội đồng thẩm định	

TỜ TRÌNH
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
Tên ngành: Du lịch; Mã số: 7810101
Trình độ đào tạo: Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Ngày nay xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người không chỉ dừng lại ở những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở mà ngày càng hướng tới những nhu cầu ở mức cao hơn, trong đó có nhu cầu du lịch. Việc khám phá, trải nghiệm, tận hưởng những cảm giác mới lạ tại các điểm du lịch giúp cho con người giải tỏa những căng thẳng, áp lực cuộc sống, phục hồi sức khỏe để tiếp tục với công việc lao động, học tập. Vì lý do đó, du lịch trở thành một hoạt động không thể thiếu và ngày càng phát triển. Những năm gần đây ngành du lịch Việt Nam chứng kiến sự phát triển vượt bậc này. Sự phát triển này được thể hiện qua sự tăng lên về số lượng khách du lịch nội địa cũng như quốc tế. Nếu như giai đoạn 1990 Việt Nam đón 250.000 khách quốc tế và khoảng 1.000.000 khách nội địa thì đến năm 2018 số lượng khách quốc tế và khách nội địa đã tăng lên lần lượt là 60 lần và 80 lần, đạt mức 15 triệu khách quốc tế và 80 triệu khách nội địa, doanh thu đạt 620.000 tỷ đồng (tăng 17.7% so với năm 2017).

Chính sự tăng trưởng về số lượng khách du lịch đã giúp ngành du lịch trở thành ngành có đóng góp lớn cho sự phát triển các ngành khác và cho nền kinh tế Việt Nam. Năm 2017 đóng góp trực tiếp trực tiếp của ngành Du lịch vào GDP là 6.96%, hai năm sau đó 2019, tỉ lệ này đã đạt 8.5%. Ngoài ra ngành du lịch còn đóng góp to lớn vào nhu cầu sử dụng lao động. Năm 2017, theo ước tính của tổng cục du lịch, ngành du lịch sử dụng 750.000 lao động và con số này tăng thêm 40.000 mỗi năm.

Đạt được những thành tựu to lớn tuy nhiên việc phát triển ngành du lịch vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổng cục du lịch ước tính từ năm 2017 mỗi năm ngành du lịch cần thêm 40.000 lao động mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên hiện tại các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch trong cả nước chỉ đào tạo ra trường mỗi năm 15.000 lao động, trong đó chỉ có hơn 12% đạt trình độ cao đẳng, đại học. Trong số những lao động ra trường mỗi năm, phần lớn đều cần doanh nghiệp đào tạo lại, đào tạo thêm các kỹ năng về chuyên môn, thực hành và đặc biệt là ngoại ngữ. Tại khu vực phía Nam, với trung tâm du lịch lớn của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà chỉ cách Bình Dương khoảng 30 Km, hiện tại có khoảng trên 50 trường đào tạo các chuyên ngành về Du lịch nhưng chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của thị trường. Điều này chứng tỏ ngành du lịch

đang thực sự đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Để giải quyết được vấn đề này, thì việc đào tạo một cách chất lượng, trang bị một cách đầy đủ các kiến thức, kĩ năng, ngoại ngữ cho sinh viên là hết sức cần thiết để phát triển ngành du lịch, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Đứng trước yêu cầu thực tiễn để phát triển ngành du lịch, Bộ Chính Trị đã thông qua nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu cụ thể: "Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành Kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực" và "Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông - Nam Á." Trong đó các giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực du lịch rất được chú trọng về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trường Đại học Thủ Dầu Một có sứ mệnh đào tạo nhân lực có chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đứng trước nhu cầu của thị trường, quan điểm về phát triển ngành Du lịch trở thành ngành mũi nhọn của Đảng và Nhà nước, trường nhận thức được được cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc tham gia đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch đáp ứng nhu cầu của thị trường và xã hội.

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham thảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 10 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra trường còn có các kí kết hợp tác với các khách sạn lớn tại tỉnh Bình Dương phục vụ nhu cầu thực hành và thực tập của

sinh viên. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành du lịch mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành du lịch trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2. Kết luận và đề nghị

Từ nguồn nhân lực giảng dạy và cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Thủ Dầu Một chúng tôi tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và phương pháp giảng dạy, cập nhật mới chương trình phù hợp xu hướng tri thức, xây dựng các giá trị cốt lõi: Khát vọng – Trách nhiệm – Sáng tạo, không ngừng nâng cao cơ sở vật chất như trang thiết bị thí nghiệm – thực hành, thư viện nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu theo hướng ứng dụng nghề nghiệp.

Toàn bộ đề án và chương trình đào tạo Du lịch đã được thẩm định trước Hội đồng với những nhà khoa học đứng chuyên ngành và có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Du lịch. Đồng thời chúng tôi cũng lắng nghe, lấy ý kiến khảo sát, góp ý các cơ sở sử dụng nhân lực sau khi đào tạo để Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kính đề nghị Bộ Giáo dục- Đào tạo xem xét cho phép mở ngành đào tạo Du lịch trình độ Đại học.

Chúng tôi chân thành biết ơn sự quan tâm và giúp đỡ của Bộ Giáo dục – Đào tạo. Về phần mình chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy chế đào tạo do Bộ ban hành và phấn đấu trở thành một trong những trường Đại học đào tạo ngành Du lịch phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hiện nay.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)
TS. Ngô Hồng Điệp

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH DU LỊCH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo.

Xuất phát từ nhu cầu và chủ trương đào tạo ngành Du Lịch trình độ đại học của trường Đại học Thủ Dầu Một.

Căn cứ quyết định 209/QĐ-ĐHTDM thành lập Nhóm chủ trì soạn thảo Chương trình đào tạo.

Lãnh đạo Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn đã tổ chức họp Hội đồng Khoa và Nhóm chủ trì soạn thảo thống nhất và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Khoa tiến hành xây dựng đề án theo các yêu cầu của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (hoặc Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT). Cụ thể:

1. Khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành lân cận.
2. Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời so sánh, đối chiếu với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.
3. Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.
4. Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa đã họp, rà soát và đề xuất danh sách Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Du lịch trình độ đại học theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT (hoặc Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT).

Kính trình Lãnh đạo Trường hoàn tất hồ sơ gửi Bộ GD&ĐT đăng ký mở ngành đào tạo.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(đã ký)

THƯ KÝ
(đã ký)

PGS.TS PHẠM NGỌC TRÂM

TS. NGUYỄN VĂN THUY

Bình Dương, ngày 6 tháng 3 năm 2020

BIÊN BẢN
HỘI HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Vv: Thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học
Ngành đào tạo: Du Lịch
Mã ngành: 7810101

I. Thời gian và địa điểm

Thời gian: 8 giờ 00 ngày 06 tháng 03 năm 2020

Địa điểm: Phòng khách – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

Hội đồng Khoa học và đào tạo theo Quyết định số 350/QĐ - ĐHTDM ngày 03/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành **Du Lịch**.

2) Thông qua nội dung và ý kiến

ThS. Nguyễn Thanh Sang, báo cáo Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, ngành Du Lịch. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo tiến hành xem xét quy trình xây dựng Đề án theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22). Hội đồng nhận thấy chương trình đào tạo đáp ứng được các yêu cầu như:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của TT22. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của TT22, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại TT22.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của TT22.

Góp ý khác:

- Tăng số lượng tín chỉ tự chọn cho người học.

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung theo nhận xét của các thành viên Hội đồng.

100% các thành viên Hội đồng thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Du Lịch.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(đã ký)

THƯ KÝ
(đã ký)

TS Ngô Hồng Điệp

TS. Nguyễn Văn Thủy

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở ngành mới

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
NHIỆM KỲ 1, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Chiến lược phát triển trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2030 và Tờ trình số 31/TTr-DHTDM, ngày 16/12/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc mở ngành mới;

Căn cứ kết quả thảo luận, thống nhất của thành viên Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một tại cuộc họp ngày 14/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở 10 ngành đào tạo trình độ Đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nhóm ngành
1.	Âm nhạc	7140221D	II
2.	Mỹ thuật	7140222D	II
3.	Công nghệ thông tin	7480201	V
4.	Công nghệ thực phẩm	7540101	V
5.	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	V
6.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	V

STT	Tên ngành	Mã ngành	Nhóm ngành
7.	Quản lý đô thị	7580105D	V
8.	Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu	7480201D	V
9.	Du lịch	7810101	VII
10.	Toán kinh tế	7310108	VII

Thời gian thực hiện: năm 2020.

Điều 2. Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở ngành theo quy định.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO¹

Tên chương trình:	Cử nhân DU LỊCH
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	DU LỊCH
Mã ngành:	7810101
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Khóa:	2020 – 2024

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chương trình (POs)

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Du Lịch được xây dựng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và sản phẩm khoa học trong lĩnh vực Du lịch đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và phục vụ cho sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ, cả nước và hội nhập quốc tế. Với môi trường học tập trải nghiệm, người học được trang bị kiến thức; năng lực nghề nghiệp; năng lực tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực Du lịch; có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện; trách nhiệm nghề nghiệp; khả năng thích nghi với những thay đổi, với môi trường làm việc để giải quyết các vấn đề của ngành Du lịch. Bên cạnh đó, người học cũng đạt được những yêu cầu về phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị, sức khỏe nhằm nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

TT	Nội dung
1	PO1: Nghiên cứu, ứng dụng các vấn đề của ngành Du lịch đóng góp cho sự phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực.
2	PO2: Giải quyết các vấn đề cơ bản về quản lý và kinh doanh trong lĩnh vực Du lịch trong bối cảnh đa dạng một cách chuyên nghiệp, sáng tạo và có đạo đức.
3	PO3: Có tính thần khởi nghiệp, động lực học tập mở rộng kiến thức, phát triển tri thức mới và nâng cao năng lực, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

1.2 Chuẩn đầu ra (ELOs)

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

¹ Phụ lục I (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung
ELO1 - T	Kiến thức	- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. - Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. - Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. - Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	ELO1	Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá, luật pháp, quản lý, con người, môi trường và tư duy phản biện vào lĩnh vực kinh doanh, quản lý, phát triển và nghiên cứu trong du lịch.
			ELO2	Xây dựng các phương thức quản trị kinh doanh, quản lý điểm đến và phát triển các hoạt động, các sản phẩm trong lĩnh vực du lịch theo định hướng bền vững cho các bên liên quan.
			ELO3	Xác định và đánh giá các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, kinh doanh và nghiên cứu về du lịch.
			ELO4	Vận dụng những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý, kinh doanh để tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch và cho điểm đến du lịch theo hướng có trách nhiệm.
ELO2 - T	Kỹ năng	- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. - Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	ELO5	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hoá và hội nhập quốc tế
			ELO6	Vận dụng thành thạo tư duy phản biện và sáng tạo để có cái nhìn mang tính toàn diện và hệ thống trong giải quyết vấn đề và ra quyết định một cách hiệu quả.
			ELO7	Phối hợp với nhóm trong cương vị của một lãnh đạo nhằm dẫn dắt hay của một

Thứ tự chuẩn đầu ra	Tên gọi chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chung toàn trường	Chuẩn đầu ra của Chương trình	
			Thứ tự	Nội dung
		- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. - Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. - Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.		thành viên trong nhóm hướng đến thực hiện có hiệu quả các công việc, nhiệm vụ chuyên môn của tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.
			ELO8	Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch phù hợp với những tình huống thay đổi trong môi trường làm việc.
ELO3 - T	Mức tự chủ và trách nhiệm [Thái độ]	- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. - Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. - Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. - Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	ELO9	Thể hiện ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin, năng động
			ELO10	Có định hướng tương lai rõ ràng, có ý thức học tập suốt đời, có tinh thần khởi nghiệp và khát vọng phục vụ cộng đồng.

Bảng: Sự tương thích giữa ELOs và Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu giáo dục (POs)	Các ELOs đóng góp cho POs		
	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
PO1	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7	ELO 9, 10
PO2	ELO 1, 2, 3, 4	ELO 5, 6, 7, 8	ELO 9, 10
PO3			ELO 9, 10

1.3. Cơ hội việc làm:

Người học tốt nghiệp ngành Du lịch có thể đảm trách các vị trí các công việc khác nhau trong các doanh nghiệp lữ hành; các công ty tổ chức sự kiện; các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các trung tâm nghiên cứu về du lịch; hoặc các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch; và có thể tiếp tục học ở bậc cao học và tiến sĩ, cụ thể:

Nhân viên thiết kế / xây dựng chương trình du lịch

Nhân viên điều hành chương trình du lịch

Nhân viên kinh doanh chương trình du lịch

Nhân viên tổ chức sự kiện

Hướng dẫn viên du lịch

Trưởng đoàn du lịch

Thuyết minh viên du lịch

Trưởng phòng điều hành

Trưởng phòng hướng dẫn

Trưởng phòng sản phẩm

Trưởng phòng kinh doanh

Quản lý doanh nghiệp du lịch, sự kiện

Nhân viên bộ phận lễ tân.

Nhân viên bộ phận buồng.

Nhân viên bộ phận nhà hàng

Giám sát bộ phận lễ tân.

Giám sát bộ phận buồng.

Giám sát bộ phận nhà hàng

Cán bộ chuyên trách về xúc tiến, quy hoạch, phát triển sản phẩm du lịch

Giáo viên tại các trường trung cấp, cao đẳng về du lịch

Chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu về du lịch

1.4.Trình độ ngoại ngữ, tin học: Theo qui định về chuẩn đầu ra của Trường

1.5. Bằng cấp: Cử nhân ngành Du lịch

2. Thời gian đào tạo: 12 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 tín chỉ (chưa bao gồm 5 Tín chỉ Giáo dục thể chất, 8 Giáo dục quốc phòng – an ninh, ngoại ngữ không chuyên, tin học, kỹ năng xã hội).

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, trúng tuyển trong tuyển sinh của trường ĐH Thủ Dầu Một.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường.

6. Thang điểm: Theo quy chế hiện hành về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối lượng kiến thức toàn khóa (Tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		
				Kiến thức cơ sở ngành	Kiến thức chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp
Đại học	4 năm	120	32	58	20	10

7.2. Cấu trúc chương trình đào tạo cụ thể

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP			Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Tiên quyết	Học trước	
Kiến thức giáo dục đại cương: 32 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	0	75	150	225	X					1.3
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	0	3	90	90	180	X					1.3
3		Giáo dục thể chất (LT)	2	0	30	60	90	X					1.2
4		Giáo dục thể chất (TH)	0	3	90	90	180	X					2.2
5		Nghiên cứu khoa học	3	0	45	90	135	X					1.2
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	0	30	60	90	X					2.1
7		Triết học Mác - Lênin	3	0	30	90	120	X					2.2
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	30	60	90	X					2.3
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	0	30	60	90	X					3.1
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	30	60	90	X					3.2
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	30	60	90	X					4.1

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	30	60	90	X					4.2
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	0	30	60	90	X					1.1
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	0	30	60	90	X					1.1
15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	0	45	90	135	X					1.1
16		Pháp luật đại cương	2	0	30	60	90	X					1.3
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	0	2	60	60	120	X					1.3
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	0	3	90	90	180	X					2.1
Kiến thức cơ sở ngành: 58 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 20 TC)													
1		Tổng quan du lịch	3	0	45	90	135	X					1.1
2		Seminar Y tế du lịch	0	1	30	30	60	X					1.2
3		Seminar Hoạt náo	0	1	30	30	60	X					1.2
4		Địa lý du lịch Việt Nam	2	0	30	60	90	X					1.2
5		Kinh tế học đại cương	3	0	45	90	135	X					1.2

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
6		Kiến tập ngành du lịch	0	2	90	60	150	X					1.3
7		Quản trị học	3	0	45	90	135	X					2.1
8		Nguyên lý kế toán	3	0	45	90	135	X					2.1
9		Quản trị tài chính	3	0	45	90	135	X		Nguyên lý kế toán	Quản trị học		2.2
10		Marketing du lịch	3	0	45	90	135	X					2.3
11		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	0	30	60	90	X					3.1
12		Quản trị nguồn nhân lực	3	0	45	90	135	X			Quản trị học		3.1
13		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	0	45	90	135	X					3.2
14		Phát triển du lịch bền vững	0	3	90	90	180	X					3.3
15		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	0	45	90	135	X			Quản trị học		4.1
16		Công nghệ số trong du lịch	3	0	45	90	135		X				2.1
17		Thương mại điện tử	0	2	60	90	150		X				2.1
18		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	0	45	90	135		X	Quản trị học			2.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
19		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	0	45	90	135		X				2.3
20		Digital marketing	0	2	60	60	120		X				3.1
21		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	0	30	60	90		X				3.1
22		Văn hoá các nước ASEAN	2	0	30	60	90		X				3.1
23		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	0	45	90	135		X				3.2
24		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	0	2	60	60	120		X	Pháp luật đại cương Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp			3.2
25		Quản trị di sản du lịch	0	3	90	90	180		X				3.2
26		Du lịch tâm linh	2	0	30	60	90		X				3.2
27		Du lịch cộng đồng	0	3	90	90	180		X				3.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
28		Học qua phục vụ cộng đồng	0	2	60	60	120		X				3.3
29		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	0	2	60	60	120		X				3.3
30		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	0	30	60	90		X				3.3
31		Địa lý du lịch thế giới	2	0	30	60	90		X				3.3
32		Du lịch có trách nhiệm	0	3	13 5	90	225		X				3.3
33		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	0	30	60	90		X				4.1
34		Kinh tế du lịch	2	0	30	60	90		X				4.1
35		Xã hội học du lịch	2	0	30	60	90		X				4.1
36		Văn hoá ẩm thực	2	0	30	60	90		X				4.1
Kiến thức chuyên ngành: Người học chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau:													
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1		Tuyển và điểm du lịch	3	0	45	90	135	X					2.2
2		Nghịệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	0	15	30	45	X					2.3
3		Nghịệp vụ hướng dẫn du lịch	0	2	60	60	120	X					2.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
4		Nghệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	0	3	90	90	180	X			Seminar Y tế du lịch Seminar Hoạt náo Địa lý du lịch Việt Nam Tuyển và điểm du lịch Việt Nam		3.1
5		Thực tập tour Xuyên Việt	0	2	90	60	150	X			Seminar Y tế du lịch Seminar Hoạt náo Địa lý du lịch Việt Nam Tuyển và điểm du lịch Việt Nam Nghệp vụ hướng dẫn du lịch		3.1

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
6		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	0	45	90	135	X			Nghiệp vụ lữ hành Thực tập tour Xuyên Việt		3.2
7		Quản trị điểm đến du lịch	0	3	90	90	180	X					3.3
8		Đề án chuyên ngành QTLH	0	3	13 5	90	225	X			Quản trị kinh doanh lữ hành		4.1
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	0	4	12 0	#RE F!	#RE F!	X					2.2
2		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	0	4	12 0	#RE F!	#RE F!	X			Nghiệp vụ NH- KS cơ bản		2.3
3		Quản lý hoạt động khách sạn	3	0	45	#RE F!	#RE F!	X			Nghiệp vụ NH- KS nâng cao		3.1
4		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	0	45	#RE F!	#RE F!	X			Quản lý hoạt động khách sạn		3.2
5		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	0	45	#RE F!	#RE F!	X			Quản trị doanh thu trong		3.3

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
											khách sạn		
6		Đề án chuyên ngành QTKS	0	3	13 5	#RE F!	#RE F!	X			Đề án chuyên ngành QTKS		4.1
Chuyên ngành Quản trị Sự kiện: 20 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1		MICE tourism	2	0	30	60	90	X					2.2
2		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	0	45	90	135	X					2.2
3		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	0	45	90	135	X			Thiết kế và tổ chức sự kiện		2.3
4		Thực hành lập dự án sự kiện	0	3	90	90	180	X			Quảng bá và truyền thông sự kiện		3.1
5		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	0	45	90	135	X			Thực hành lập dự án sự kiện		3.2
6		Chiến lược du lịch sự kiện	3	0	45	90	135	X			Quản trị sự kiện và hội nghị		3.3
7		Đề án chuyên ngành QTSK	0	3	13 5	90	225	X			Chiến lược du lịch sự kiện		4.1
Thực tập tốt nghiệp và làm báo cáo tốt nghiệp: 10 TC (Bắt buộc: 10 TC; Tự chọn: 0 TC)													

ST T	Mã HP	Tên học phần	Số TC		Số giờ			Loại HP		Tiên quyết	Điều kiện		Học kỳ (dự kiến)
			Lý thuyết	Thực hành	Tương tác	Tương tác không trực	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn		Học trước	Song hành	
1		Thực tập tốt nghiệp	0	5	25	150	175	X			Đề án chuyên ngành QTLH/Đề án chuyên ngành QTKS/Đề án chuyên ngành QTSK		4.2
2		Khoá luận tốt nghiệp	0	5	22 5	150	375		X				4.3
3		Báo cáo tốt nghiệp	0	5	22 6	150	376		X				4.3

8. Kế hoạch giảng dạy

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác '	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
1		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	1.1
2		Lịch sử văn minh thế giới	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	1.1
3		Nhập môn hệ thống thông tin	3	3	0	45	90	13 5				BB	Chung	1.1
4		Tổng quan du lịch	3	3	0	45	90	13 5				BB	Chung	1.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.1	10	10	0	150	300	450						
1		Giáo dục thể chất (LT)	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	1.2
2		Nghiên cứu khoa học	3	3	0	45	90	135				BB	Chung	1.2
3		Seminar Y tế du lịch	1	0	1	30	30	60				BB	Chung	1.2
4		Seminar Hoạt náo	1	0	1	30	30	60				BB	Chung	1.2
5		Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	1.2
6		Kinh tế học đại cương	3	3	0	45	90	135				BB	Chung	1.2
7		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.2	10	8	2	180	300	480						
8		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	5	0	75	150	225				BB	Chung	1.3
9		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	0	3	90	90	180				BB	Chung	1.3
10		Pháp luật đại cương	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	1.3
11		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	0	2	60	60	120				BB	Chung	1.3
12		Kiến tập ngành du lịch	2	0	2	90	60	150				BB	Chung	1.3
		Tổng số tín chỉ học phần HK 1.3	6	2	4	180	180	360						

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
1		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	2.1
2		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	0	3	90	90	180				BB	Chung	2.1
3		Quản trị học	3	3	0	45	90	135				BB	Chung	2.1
4		Nguyên lý kế toán	3	3	0	45	90	135				BB	Chung	2.1
5		Công nghệ số trong du lịch	3	3	0	45	90	135				TC	Chung, Chọn 3 TC	2.1
6		Thương mại điện tử	3	0	2	60	90	150				TC		2.1
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.1	14	11	3	255	420	675						
1		Giáo dục thể chất (TH)	3	0	3	90	90	180				BB	Chung	2.2
2		Triết học Mác - Lênin	3	3	0	30	90	120				BB	Chung	2.2
3		Quản trị tài chính	3	3	0	45	90	135	Nguyên lý kế toán	Quản trị học		BB	Chung	2.2
4		Tuyến và điểm du lịch	3	3	0	45	90	135				BB	QTLH	2.2
5		Nghệp vụ NH-KS cơ bản	4	0	4	120	120	240				BB	QTKS	2.2
6		MICE tourism	2	2	0	30	60	90				BB	QTSK	2.2
7		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	3	0	45	90	135				BB	QTSK	2.2

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTLH)	1 2	9	3	21 0	36 0	57 0						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTKS)	1 3	6	7	28 5	39 0	67 5						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.2 (QTSK)	1 4	1 1	3	24 0	42 0	66 0						
1		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	2.3
2		Marketing du lịch	3	3	0	45	90	13 5				BB	Chung	
3		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	3	0	45	90	13 5	Quản trị học			TC	Chung, Chọn 3 TC	2.3
4		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	3	0	45	90	13 5				TC		
5		Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch	1	1	0	15	30	45				BB	QTLH	2.3
6		Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	0	2	60	60	12 0				BB	QTLH	2.3
7		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	0	4	12 0	12 0	24 0		Ng hiệ p vụ NH		BB	QTKS	2.3

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										-KS cơ bản				
8		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	3	0	45	90	135		Thi ết kế và tổ chức sự kiện		BB	QTSK	2.3
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTLH)	11	9	2	195	330	525						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTKS)	12	8	4	240	360	600						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 2.3 (QTSK)	11	11	0	165	330	495						
1		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	3.1
2		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	3.1
3		Quản trị nguồn nhân lực	3	3	0	45	90	135		Quản		BB	Chung	3.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
										trị học				
4		Digital marketing	2	0	2	60	60	120				TC	Chung, Chọn 2 TC	3.1
5		Vận chuyển, an toàn và an ninh trong du lịch	2	2	0	30	60	90				TC		3.1
6		Văn hoá các nước ASEAN	2	2	0	30	60	90				TC		3.1
7		Nghệp vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	0	3	90	90	180		Se min ar Y tế du lịch Se min ar Ho ạt náo Địa lý du lịch Việ t Na m Tuy ển và		BB	QTLH	3.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										điều du lịch Việt Nam				
8		Thực tập tour Xuyên Việt	2	0	2	90	60	150		Seminar Y tế du lịch Seminar Hoạt náo Địa lý du lịch Việt Nam Tuyển và điều m		BB	QTLH	3.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										du lịch Việ t Na m Ng hiệ p vụ hướ ng dẫn du lịch				
9		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3	0	45	90	13 5		Ng hiệ p vụ NH -KS nân g cao		BB	QTKS	3.1
10		Thực hành lập dự án sự kiện	3	0	3	90	90	18 0		Qu ảng bá và truy ền thô ng sự		BB	QTSK	3.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
										kiệ n				
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTLH)	1 4	7	7	34 5	42 0	76 5						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTKS)	1 2	1 0	2	21 0	36 0	57 0						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.1 (QTSK)	1 2	7	5	25 5	36 0	61 5						
1		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	3.2
2		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3	0	45	90	13 5				BB	Chung	2.1
3		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3	0	45	90	13 5				TC	Chung, Chọn 5 TC	3.2
4		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	0	2	60	60	12 0		Phá p luật đại cư ơ ng Luậ t du lịch và Đạ o		TC		3.2

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										đức kin h do a nh Tâ m lý du khá ch và ngh ệ thu ật gia o tiếp				
5		Quản trị di sản du lịch	3	0	3	90	90	180				TC		3.2
6		Du lịch tâm linh	2	2	0	30	60	90				TC		3.2
7		Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3	0	45	90	135		Ng hiệ p vụ lữ hành Thự c tập tour		BB	QTLH	3.2

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										Xu yên Việ t				
8		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3	0	45	90	13 5		Qu ản lý hoạ t độn g khá ch sạn		BB	QTKS	3.2
9		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3	0	45	90	13 5		Thự c hàn h lập dự án sự kiệ n		BB	QTSK	3.2
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTLH)	1 3	1 1	2	22 5	39 0	61 5						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.2 (QTKS)	1 3	1 1	2	22 5	39 0	61 5						
		Tổng số tín chỉ học phần	1 3	1 1	2	22 5	39 0	61 5						

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
		HK 3.2 (QTSK)												
1		Phát triển du lịch bền vững	3	0	3	90	90	180				BB	Chung	3.3
2		Du lịch cộng đồng	3	0	3	90	90	180				TC	Chung, Chọn 5 TC	3.3
3		Học qua phục vụ cộng đồng	2	0	2	60	60	120				TC		3.3
4		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	0	2	60	60	120				TC		3.3
5		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	2	0	30	60	90				TC		3.3
6		Địa lý du lịch thế giới	2	2	0	30	60	90				TC		3.3
7		Du lịch có trách nhiệm	3	0	0	135	90	225				TC		3.3
8		Quản trị điểm đến du lịch	3	0	3	90	90	180				BB	QTLH	3.3
9		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3	0	45	90	135		Quản trị doanh thu trong khách sạn		BB	QTKS	3.3
10		Chiến lược du lịch sự kiện	3	3	0	45	90	135		Quản		BB	QTSK	3.3

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiền quyết	Học trước	Song hành			
										trị sự kiệ n và hội ngh ì				
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTLH)	1 1	0	1 1	33 0	33 0	66 0						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTKS)	1 1	3	8	28 5	33 0	61 5						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 3.3 (QTSK)	1 1	3	8	28 5	33 0	61 5						
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	4.1
2		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	3	0	45	90	13 5		Qu ản trị học		BB	Chung	4.1
3		Quản trị và chăm sóc khách hàng	2	2	0	30	60	90				TC	Chung, Chọn 2 TC	4.1
4		Kinh tế du lịch	2	2	0	30	60	90				TC		4.1
5		Xã hội học du lịch	2	2	0	30	60	90				TC		4.1

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực tuyến	Tương tác trực tiếp	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
6		Văn hoá ẩm thực	2	2	0	30	60	90				TC		4.1
7		Đề án chuyên ngành QTLH	3	0	3	13 5	90	22 5		Qu ản trị kin h doa nh lũ hàn h		BB	QTLH	4.1
8		Đề án chuyên ngành QTKS	3	0	3	13 5	90	22 5		Đề án chu yên ngà nh QT KS		BB	QTKS	4.1
9		Đề án chuyên ngành QTSK	3	0	3	13 5	90	22 5		Chi ến lượ c du lich sự kiệ n		BB	QTSK	4.1
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTLH)	1 0	7	3	24 0	30 0	54 0						

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTKS)	1 0	7	3	24 0	30 0	54 0						
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.1 (QTSK)	1 0	7	3	24 0	30 0	54 0						
1		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	30	60	90				BB	Chung	4.2
2		Thực tập tốt nghệ nghiệp	5	0	5	25	15 0	17 5		Đề án chu yên ngà nh QT LH/ Đề án chu yên ngà nh QT KS/ Đề án chu yên ngà nh		BB	Chung	4.2

ST T	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số TC		Số giờ			Mã HP			BB/TC	Ghi chú	Học kỳ
				Lý thuyết	Thực hành	Tương tác trực	Tương tác	Tổng	Tiên quyết	Học trước	Song hành			
										QT SK				
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.2	7	2	5	55	21 0	26 5						
1		Báo cáo tốt nghiệp	5	0	5	22 5	15 0	37 5				TC		4.3
		Tổng số tín chỉ học phần HK 4.3	5	0	5	22 5	15 0	37 5						

9. Ma trận Chuẩn đầu ra CTĐT và Học phần

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín ch ỉ	H ọc k ỳ (<i>dự kiến</i>)	CHUẨN ĐẦU RA									
					KIẾN THỨC				KỸ NĂNG MỀM			KỸ NĂNG NGH Ề NGH IỆP	THÁI ĐỘ	
					EL O1	EL O2	EL O3	EL O4	EL O5	EL O6	EL O7	ELO 8	EL O9	EL O10
1		Giáo dục quốc phòng - an ninh (LT)	5	1 . 3	S	N	N	N	S	S	S	N	S	N
2		Giáo dục quốc phòng - an ninh (TH)	3	1 . 3	S	N	N	N	S	S	S	N	S	N

3		Giáo dục thể chất (LT)	2	1 . 2	N	N	N	N	N	N	N	N	S	N
4		Giáo dục thể chất (TH)	3	2 . 2	N	N	N	N	N	N	N	N	S	N
5		Nghiên cứu khoa học	3	1 . 2	S	S	S	N	S	H	H	N	S	S
6		Tư duy biện luận ứng dụng	2	2 . 1	S	N	N	N	S	H	S	N	S	S
7		Triết học Mác - Lênin	3	2 . 2	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
8		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2 . 3	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
9		Những vấn đề Kinh tế - Xã hội Đông Nam Bộ	2	3 . 1	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	3 . 2	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
11		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	4 . 1	S	N	N	N	S	S	S	N	H	H
12		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4 . 2	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
13		Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	1 . 1	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
14		Lịch sử văn minh thế giới	2	1 . 1	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S

15		Nhập môn hệ thống thông tin	3	1 .1	S	N	N	N	S	H	S	N	S	S
16		Pháp luật đại cương	2	1 .3	S	N	N	N	S	S	S	N	H	S
17		Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	1 .3	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
18		Thu thập và xử lý dữ liệu điều tra	3	2 .1	H	S	S	N	S	S	S	N	S	S
19		Tổng quan du lịch	3	1 .1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	H
20		Seminar Y tế du lịch	1	1 .2	N	N	N	N	S	N	S	H	S	S
21		Seminar Hoạt náo	1	1 .2	N	N	N	N	H	N	H	H	S	S
22		Địa lý du lịch Việt Nam	2	1 .2	S	N	S	S	S	S	S	N	S	S
23		Kinh tế học đại cương	3	1 .2	S	S	S	N	S	S	S	N	S	S
24		Kiến tập ngành du lịch	2	1 .3	S	S	S	N	S	S	S	N	H	H
25		Quản trị học	3	2 .1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
26		Nguyên lý kế toán	3	2 .1	S	N	N	N	S	N	S	N	S	S
27		Quản trị tài chính	3	2 .2	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S

28		Marketing du lịch	3	2 . 3	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
29		Luật du lịch và Đạo đức kinh doanh	2	3 . 1	S	N	N	N	S	S	S	N	H	H
30		Quản trị nguồn nhân lực	3	3 . 1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
31		Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	3	3 . 2	S	N	N	N	H	S	H	N	S	S
32		Phát triển du lịch bền vững	3	3 . 3	S	H	H	H	S	S	S	N	S	S
33		Quản trị rủi ro trong du lịch	3	4 . 1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
34		Công nghệ số trong du lịch	3	2 . 1	S	S	S	S	H	S	S	N	S	S
35		Thương mại điện tử	3	2 . 1	S	S	N	S	H	S	S	N	S	S
36		Quản trị chất lượng dịch vụ	3	2 . 3	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
37		Thanh toán quốc tế trong du lịch	3	2 . 3	S	N	N	N	S	S	S	S	S	S
38		Digital marketing	2	3 . 1	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
39		Vận chuyển, an toàn và an	2	3 . 1	S	N	N	N	S	S	S	S	S	S

		ninh trong du lịch												
40		Văn hoá các nước ASEAN	2	3 .1	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
41		Quản trị chiến lược trong du lịch	3	3 .2	S	H	H	H	S	S	S	N	S	S
42		Đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	2	3 .2	S	N	N	S	H	S	S	S	S	S
43		Quản trị di sản du lịch	3	3 .2	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
44		Du lịch tâm linh	2	3 .2	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
45		Du lịch cộng đồng	3	3 .3	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
46		Học qua phục vụ cộng đồng	2	3 .3	S	S	S	S	S	S	S	N	S	H
47		Khả năng lãnh đạo và Phát triển bản thân	2	3 .3	N	N	N	N	H	H	H	N	S	H
48		Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	2	3 .3	S	N	N	N	H	H	H	N	S	S
49		Địa lý du lịch thế giới	2	3 .3	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
50		Du lịch có trách nhiệm	3	3 .3	S	H	H	H	S	S	S	N	S	S
51		Quản trị và chăm	2	4 .1	S	S	S	S	H	S	S	N	S	S

		sóc khách hàng												
52		Kinh tế du lịch	2	4 .1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
53		Xã hội học du lịch	2	4 .1	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
54		Văn hoá ẩm thực	2	4 .1	S	N	N	N	S	S	S	N	S	S
55		Tuyến và điểm du lịch	3	2 .2	S	N	N	N	S	S	S	S	S	S
56		Nghiep vụ trưởng đoàn du lịch	1	2 .3	S	N	N	S	H	H	S	H	S	S
57		Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	2	2 .3	S	N	N	S	H	H	H	H	S	S
58		Nghiep vụ lữ hành (thiết kế, sales, điều hành)	3	3 .1	S	N	N	S	H	H	S	H	S	S
59		Thực tập tour Xuyên Việt	2	3 .1	S	N	N	N	H	H	H	H	S	H
60		Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3 .2	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
61		Quản trị điểm đến du lịch	3	3 .3	S	H	S	H	S	S	S	S	S	S
62		Đề án chuyên ngành QTLH	3	4 .1	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

63		Nghiệp vụ NH-KS cơ bản	4	2 . 2	S	N	N	N	S	S	S	H	S	S
64		Nghiệp vụ NH-KS nâng cao	4	2 . 3	S	N	N	N	S	S	S	H	S	S
65		Quản lý hoạt động khách sạn	3	3 . 1	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
66		Quản trị doanh thu trong khách sạn	3	3 . 2	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
67		Chiến lược kinh doanh khách sạn	3	3 . 3	S	H	H	H	S	S	S	N	S	S
68		Đề án chuyên ngành QTKS	3	4 . 1	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
69		MICE tourism	2	2 . 2	S	S	S	S	S	S	S	N	S	S
70		Thiết kế và tổ chức sự kiện	3	2 . 2	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S
71		Quảng bá và truyền thông sự kiện	3	2 . 3	S	S	N	N	S	S	S	S	S	S
72		Thực hành lập dự án sự kiện	3	3 . 1	S	S	S	S	H	S	H	H	S	S
73		Quản trị sự kiện và hội nghị	3	3 . 2	S	S	S	S	S	S	S	S	S	S
74		Chiến lược du lịch sự kiện	3	3 . 3	S	H	H	H	S	S	S	S	S	S

75		Đề án chuyên ngành QTSK	3	4 . 1	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
76		Thực tập tốt nghiệp	5	4 . 2	S	S	S	S	H	H	H	H	H	H
77		Khoá luận tốt nghiệp	5	4 . 3	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H
78		Báo cáo tốt nghiệp	5	4 . 3	H	H	H	H	S	S	S	N	H	H

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ²
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06, Trần Văn Ơn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thành phần Đoàn kiểm tra
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
Ngành Du lịch						
1	Nguyễn Văn Thủy	Tiến sĩ, Giám đốc chương trình	Lịch sử Việt Nam	Đại học Thủ Dầu Một		
2	Phạm Thanh Sang	Thạc sĩ, Giảng viên	Đa dạng sinh học và quy hoạch	Đại học Thủ Dầu Một		
3	Trần Thị Khánh Hòa	Thạc sĩ, Thư ký chương trình, giảng viên	Quản lý Môi trường và Du Lịch sinh thái	Đại học Thủ Dầu Một		
4	Phan Văn Trung	Thạc sĩ. NCS.	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
5	Nguyễn Thị Hoài Phương	Thạc sĩ. NCS	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
6	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		

² Phụ lục II (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

7	Vũ Hải Thiên Nga	Thạc sĩ	Địa Lý Phương pháp	Đại học Thủ Dầu Một		
8	Lê Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một		
9	Nguyễn Anh Hoành	Tiến sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một		
10	Phạm Kim Cương	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một		

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m2)		
1	Phòng học	156	5000	Projector	1	Các học phần			
2	Giảng đường 80 chỗ ngồi	3	480	Projector	1	Các học phần			
...	Giảng đường 100 chỗ ngồi	3	600	Projector	1	Các học phần			

	Hội trường đa năng - 450 chỗ ngồi	1	900	Projector	1	Các học phần			
	Phòng máy tính	5		Máy vi tính	222				
				Máy tính xách tay	22				
				Màn hình	66				
				Đầu Video-CD	10				
				Projector	79				
				Micro không dây, loa	42				

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: 1.980 m²; Diện tích phòng đọc: 1.410 m²
- Số chỗ ngồi: 486; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 do công ty Tinh Vân cung cấp
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;
- Số lượng sách, giáo trình: 7596 đầu sách, 90.694 bản sách.
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Ngoài ra, Thư viện còn có 3.110 file bài trích toàn văn báo - tạp chí các lĩnh vực và mua quyền truy cập 6 cơ sở dữ liệu trong ngoài nước: Proquest central, Credo Reference, SpringerLink, Tài liệu KH&CN VN, Báo cáo kết quả NCKH đề tài các cấp, Tailieu.vn

- Lượng truy cập trung bình 429 lượt/ngày.
- Liên thông trao đổi: Thư viện có 1.272 ebook nằm trên trang Tailieu.vn

(<http://elib.tdmu.edu.vn/>) có trao đổi với hơn 50 trường ĐH, CĐ cùng mua CSDL của Tailieu.vn.

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Viết Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa	

						Mác– Lênin	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	NXB. Chính trị quốc gia	2012	3	Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới	
5	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	
7	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	5	Logic học đại cương	
8	Xã hội học	Huỳnh Công Bá	NXB Thuận Hóa	2012	5	Xã hội học đại cương	
9	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yên, Ngô Thị Kim Dung và những người khác	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	2	Tâm lí học đại cương	
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	NXB. Đại học Quốc gia TPHCM	2012	10	Tiếng Việt thực hành	

11	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng	NXB. Giáo dục	2009	10	Nhân học đại cương	
12	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương	
13	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
14	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
15	Cẩm nang du lịch văn hóa - Tâm linh Việt Nam	Nguyễn Trường Tân	NXB. Thanh niên, 2019	2019	20	Nghệ vụ lễ hành	
16	Non nước Việt Nam : Sách hướng dẫn du lịch	Vũ Thế Bình	NXB. Tổng cục Du lịch,	2010	5	Quản trị di sản du lịch	
17	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Giáo dục,	2001	15	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	
18	Du lịch Việt Nam - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu, Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2018	10	Tổng quan du lịch	
19	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật,	2017	20	Tổng quan du lịch	
20	Việt Nam - hình ảnh và ấn tượng	người biên dịch Trần Anh Thơ	Giáo dục,	2001	5	Tổng quan du lịch	
21	Giáo trình tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thụ	Đại học quốc gia,	2009	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	

22	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật	2017	10	Tổng quan du lịch	
23	Địa lý Du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	Giáo dục Việt Nam,	2012	15	Địa lý Du lịch Việt Nam	
24	Tổng quan du lịch	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh,	2015	20	Tổng quan du lịch	
25	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2010	10	Quy hoạch du lịch	
26	Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thể gới vật thể	Nguyễn Thị Hồng Nhất	Nxb. Đà Nẵng,	2016	5	Xã hội học du lịch	
27	Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam	Bùi Thị Tám, Võ Thị Ngọc Thúy	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2016	5	Văn hóa ẩm thực	
28	Địa lí du lịch cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa	Giáo dục Việt Nam,	2017	5	Địa lý du lịch	
29	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2016	15	Du lịch cộng đồng	
30	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2009	15	Quản trị kinh doanh lữ hành	
31	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2011	10		
32	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Lê Anh Tuấn, Swathi Ravichandran, Phạm Xuân Hậu	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2019	5	Quản trị nguồn nhân lực	
33	Du lịch thế giới qua hình ảnh	Khánh linh	Thời đại,	2011	5	Tổng quan du lịch	

34	Địa lí dịch vụ	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	Đại học sư phạm,	2012	20	Địa lý du lịch thế giới	
35	Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa	Vương Xuân Tinh, Vũ Đình Mười	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,	2016	10	Địa lý du lịch thế giới	
36	Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung bộ	Nguyễn Quang Hà, Trần Hoàng, Mai Khắc Ứng, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Vũ Đức.	Giáo dục,	2001	15	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	
37	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2012	20	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	
38	Di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở Việt Nam trong phát triển du lịch	Lâm Nhân	Đại học Quốc gia TP.HCM,	2017	5	Du lịch tâm linh	
39	Một số vấn đề văn hóa du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh	2016	10	Phát triển du lịch bền vững	
40	Du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2017	10	Tổng quan du lịch	
41	Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch	Trần Văn Mậu	ĐHQG Hà Nội	2001	10	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Nghiệp vụ NHKS	
42	Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam. P.1: Các tỉnh và thành phố đồng bằng sông Hồng	Lê Thông	Hà Nội: Giáo Dục	2001	9	Địa lý du lịch Việt Nam	

43	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Hà Nội: Giáo Dục	2000	12	Địa lý Du Lịch Việt Nam, Phát triển du lịch bền vững v.v	
44	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đinh Trung Kiên	ĐHQG Hà Nội	2000	7	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	
45	Xã hội học du lịch	Nguyễn Văn Lê	TP.HCM: Trẻ	1996	9	Xã hội học Du Lịch	
46	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam	Đồng Nai: Tổng hợp	2000	7	Marketing Du lịch	
47	Kinh tế du lịch	Robert Lanquar	Hà Nội: Thế giới	2002	9	Kinh tế du lịch	
48	Giáo trình kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính, Trần thị Minh Hòa	Hà Nội : Lao động - Xã hội	2004	13	Kinh tế du lịch	
49	Lữ hành du lịch	Trần Văn Mậu	Hà Nội : Giáo dục	1998	5	Quản trị lữ hành	
50	Thủ đô các nước trên thế giới	Kiều Mạnh Thạc	Hà Nội : Thế giới	2004	7	Địa lý Du lịch thế giới	
51	Du lịch ba châu lục: Phi, Mỹ, Đại dương	Phùng Văn Hòa	Hà Nội : Văn hóa Thông tin	2005	5	Địa lý Du lịch thế giới	
52	Du lịch Châu Âu	Trương Mỹ Quyên	Hà Nội : Văn hóa Thông tin	2005	7	Địa lý Du lịch thế giới	
53	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	Hà Nội : ĐH Kinh tế quốc dân	2006	10	Quản trị lữ hành	
54	Quy hoạch du lịch những vấn đề lý luận và thực tiễn	Trần Văn Thông	TP. HCM : ĐH Văn Lang	2003	9	Quy hoạch du lịch	
55	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	Hà Nội : ĐH Kinh tế quốc dân	2009	10	Quản trị lữ hành	

56	Nhập môn khoa học du lịch	Trần Đức Thanh	Hà Nội : Đại học Quốc gia	2008	7	Tổng quan du lịch	
57	Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính	H. : Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	7	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	
58	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng thị Lan Hương	Hà Nội : Lao động - Xã hội	2004	10	Chiến lược kinh doanh khách sạn	
59	Thiết kế quán bar & nhà hàng	Arian Mostaedi	Hà Nội : Giao thông vận tải	2005	6	Quản lý hoạt động khách sạn	
60	Đường vào nghề kinh doanh khách sạn	Hồng Vân, Công Mỹ, Minh Ninh	TP. HCM : Trẻ	2007	5	Chiến lược kinh doanh khách sạn	

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Tạp chí du lịch	Tổng cục du lịch	Nhiều số, nhiều năm từ năm 2017	80	Tài liệu hỗ trợ nhiều học phần	Đúng với hồ sơ	
2	Kinh thành Huế địa danh = La citadelle de Huế momastique	L. Cadière	Đà Nẵng : Đà Nẵng 1996	8	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đúng với hồ sơ	
3	Lịch sử Sài Gòn - Chợ lớn - Gia định kháng chiến (1945-1975)	Lưu Phương Thanh, Trần Hải Phụng	TP. HCM : TP. HCM 1994	4	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đúng với hồ sơ	
4	Huế di tích lịch sử - văn	Lê Đình Phúc	Hà Nội : Chính trị	7	Nghiệp vụ hướng	Đúng với hồ sơ	

	hóa danh thắng = Historical traces culture landscapes		Quốc gia 1997		dẫn du lịch		
5	Lịch sử Ấn độ	Vũ Dương Ninh, chủ biên	Hà Nội : Giáo dục 1995	5	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
6	Lịch sử Nhật bản	Phan Ngọc Liên, chủ biên	Hà Nội : Văn hóa Thông tin 1997	7	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
7	Nước Pháp trong lòng thế giới	Gabriel Wackermann	Hà Nội : Giáo dục 1995	5	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
8	Tên các nước và các địa danh trên thế giới	Quang Hùng	TP. HCM : TP. HCM 1996	8	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
9	Non nước Việt Nam	Nguyễn Thế Bình	Hà Nội : Hà Nội 2003i	11	Địa lý du lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
10	Danh lam nước Việt	Võ Văn Tường, Huỳnh Như Phương	TP. HCM : Mỹ thuật 1995	5	Địa lý du lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
11	Lịch sử văn hóa Trung quốc	Đàm Gia Kiện chủ biên	Hà Nội : Khoa học xã hội 1999	8	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
12	Tìm hiểu làng nghề thủ công điều khắc cổ truyền	Chu Quang Trứ	TP. HCM : Mỹ thuật 2000	9		Đúng với hồ sơ	
13	Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Phạm Trung Lương	Hà Nội : Giáo dục 2002	3	Phát triển du lịch bền vững	Đúng với hồ sơ	

14	Di tích lịch sử văn hóa trong khu phố cổ và xung quanh hồ Hoàn Kiếm Hà Nội	Lưu Minh Trị	Hà Nội : Hà Nội 2002	7	Địa lý Du Lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
----	--	--------------	----------------------	---	-------------------------	----------------	--

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

Bình Dương, ngày tháng năm 20

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO³

Tên ngành: **Du lịch**; Mã số: **7810101**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương.

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

- Trường Đại học Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 900/QĐTTg, ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương. Trường chính thức đi vào hoạt động vào tháng 10 năm 2009.

- Tên tiếng Anh: THU DAU MOT UNIVERSITY (TDMU)
- Cơ quan chủ quản: Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương
- Địa chỉ của Trường: Số 06, đường Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3822.518 Fax: 0274.3837.150

- Websie: <http://tdmu.edu.vn>
- Loại trường: Công lập
- Sứ mệnh của trường là Đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trở thành trung tâm tư vấn nghiên cứu trong khu vực.

- Về tổ chức, Trường có 01 Chủ tịch Hội đồng Trường và 04 Phó Hiệu trưởng, 13 phòng, ban chức năng, 11 Khoa, 10 trung tâm, 2 Viện, tạp chí và Trung tâm Y tế.

- Về nhân sự, Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại trường là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%

Trường Đại học Thủ Dầu Một là trường Đại học trọng điểm đặt dưới sự quản lý của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh và các vùng phụ cận.

Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Đại học Thủ Dầu Một đào tạo 9 ngành Thạc sĩ và 30 ngành đại học với quy mô 15.045 sinh viên (13.112 sinh viên hệ chính quy và 1933 sinh viên hệ thường xuyên) và 780 học viên cao học. Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ra trường đều có việc làm.

Đặc biệt, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục nước ngoài nhằm tiếp cận, trao đổi chương trình đào tạo tiên tiến và trao đổi giảng

³ Phụ lục III (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

viên. Thời gian qua, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức giáo dục và Trường Đại học nước ngoài như Đại học Woosung (Hàn Quốc), Học viện văn hóa quốc tế Thiên Tân (Trung Quốc).

Hình thức đào tạo đại học các ngành trên là hệ chính quy tập trung, vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng ngắn hạn. Chương trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp đối với sinh viên được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện tại Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Trường Đại học Thủ Dầu Một luôn nhận thức rõ những thay đổi trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh toàn cầu về phương diện quốc gia lẫn quốc tế cũng như nhu cầu cần thiết phải có một hướng tiến cận hoàn toàn mới đối với nền giáo dục đại học. Để đáp ứng khả năng và yêu cầu ngày càng cao của xã hội đối với công nghệ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường đã phát triển theo định hướng là Trường đại học đào tạo đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; các chương trình đào tạo đều tiếp cận phương pháp CDIO và “hòa hợp tích cực”; hiện đang tiến hành xây dựng 6 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao và dự kiến đánh giá 4 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA.

*** Về công tác quản trị đại học**

Trường thực hiện mô hình quản trị đại học 02 cấp: cấp Trường và cấp khoa; phân cấp quản lý và phân quyền tự chủ cho các khoa chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao. Công tác quản lý có nhiều chuyển biến tích cực; bộ máy được sắp xếp hợp lý. Đã ban hành các quy định, quy chế, quy trình để giải quyết công việc. Đã xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng, ban, khoa; cơ chế kiểm tra, giám sát. Trang thông tin của Trường được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, là kênh thông tin chủ lực đẩy mạnh truyền thông cho nhà trường, tạo dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh.

*** Về công tác bảo đảm chất lượng**

Hiện nay, nhà trường đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các ngành học, ở cả hệ chính quy và thường xuyên. Công tác đào tạo của trường được quản lý bằng phần mềm Edusoft, tích hợp các tiện ích: đăng ký môn học, đến nhập điểm, xem thời khóa biểu.... Từ năm học 2014-2015 triển khai thực hiện đề xướng CDIO để phát triển chất lượng đào tạo một cách toàn diện và có hệ thống. Đây được xem là hướng cải tiến mới mà Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và các đại học thành viên đang tích cực áp dụng. CDIO là kim chỉ nam hướng dẫn công tác chất lượng đào tạo được thực hiện liên tục và hiệu quả. Bảo đảm vững chắc từng bước đạt được các tiêu chuẩn kiểm định Việt Nam, khu vực (AUN) và thế giới như chiến lược đặt ra. Năm 2014, hoàn thành đánh giá trong. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoàn thành đánh giá trong và được xếp hạng thứ 196 trên tổng số 345 trường Đại học ở Việt Nam. Thành lập Ban phát triển chất lượng đào tạo, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách và điều phối việc cải tiến nội dung, chất lượng theo CDIO của toàn Trường. Mục tiêu là để chương trình đào tạo được cải tiến không ngừng và chất lượng đào tạo luôn được nâng lên. Năm 2017, Đại học Thủ Dầu Một là trường đại học công lập đầu tiên của tỉnh Bình Dương được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh chứng nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục-Đào tạo và hiện đang là thành viên liên kết của tổ chức AUN, hướng đến kiểm định các chương trình đào tạo.

2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực ngành Du lịch

Ngày nay xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu của con người không chỉ dừng lại ở những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở mà ngày càng hướng tới những nhu cầu ở mức cao hơn, trong đó có nhu cầu du lịch. Việc khám phá, trải nghiệm, tận hưởng những cảm giác mới lạ tại các điểm du lịch giúp cho con người giải tỏa những căng thẳng, áp lực cuộc sống, phục hồi sức khỏe để tiếp tục với công việc lao động, học tập. Vì lý do đó, du lịch trở thành một hoạt động không thể thiếu và ngày càng phát triển. Những năm gần đây ngành du lịch Việt Nam chứng kiến sự phát triển vượt bậc này. Sự phát triển này được thể hiện qua sự tăng lên về số lượng khách du lịch nội địa cũng như quốc tế. Nếu như giai đoạn 1990 Việt Nam đón 250.000 khách quốc tế và khoảng 1.000.000 khách nội địa thì đến năm 2018 số lượng khách quốc tế và khách nội địa đã tăng lên lần lượt là 60 lần và 80 lần, đạt mức 15 triệu khách quốc tế và 80 triệu khách nội địa, doanh thu đạt 620.000 tỷ đồng (tăng 17.7% so với năm 2017).

Chính sự tăng trưởng về số lượng khách du lịch đã giúp ngành du lịch trở thành ngành có đóng góp lớn cho sự phát triển các ngành khác và cho nền kinh tế Việt Nam. Năm 2017 đóng góp trực tiếp trực tiếp của ngành Du lịch vào GDP là 6.96%, hai năm sau đó 2019, tỉ lệ này đã đạt 8.5%. Ngoài ra ngành du lịch còn đóng góp to lớn vào nhu cầu sử dụng lao động. Năm 2017, theo ước tính của tổng cục du lịch, ngành du lịch sử dụng 750.000 lao động và con số này tăng thêm 40.000 mỗi năm.

Đạt được những thành tựu to lớn tuy nhiên việc phát triển ngành du lịch vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Tổng cục du lịch ước tính từ năm 2017 mỗi năm ngành du lịch cần thêm 40.000 lao động mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành. Tuy nhiên hiện tại các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch trong cả nước chỉ đào tạo ra trường mỗi năm 15.000 lao động, trong đó chỉ có hơn 12% đạt trình độ cao đẳng, đại học. Trong số những lao động ra trường mỗi năm, phần lớn đều cần doanh nghiệp đào tạo lại, đào tạo thêm các kỹ năng về chuyên môn, thực hành và đặc biệt là ngoại ngữ. Tại khu vực phía Nam, với trung tâm du lịch lớn của cả nước là Thành phố Hồ Chí Minh, nơi mà chỉ cách Bình Dương khoảng 30 Km, hiện tại có khoảng trên 50 trường đào tạo các chuyên ngành về Du lịch nhưng chỉ đáp ứng được 60% nhu cầu của thị trường. Điều này chứng tỏ ngành du lịch đang thực sự đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao. Để giải quyết được vấn đề này, thì việc đào tạo một cách chất lượng, trang bị một cách đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, ngoại ngữ cho sinh viên là hết sức cần thiết để phát triển ngành du lịch, phục vụ cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

2.2 Kết quả đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng đối với những ngành đang đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một

Năm đầu khi mới thành lập, Trường chỉ đào tạo 06 ngành đại học và 06 ngành cao đẳng với tổng quy mô sinh viên 2.288. Đến nay, Trường đã đào tạo 30 chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, 09 ngành cao học, với tổng quy mô 15.045 sinh viên và 780 học viên cao học, tăng gấp

07 lần sau 07 năm hoạt động. Sau 07 năm hoạt động, Trường đã có 5.780 sinh viên tốt nghiệp với tỉ lệ khá giỏi cao: 45%. Hầu hết sinh viên ra trường đều tìm được việc làm phù hợp (tỉ lệ 80%), đặc biệt sinh viên ngành sư phạm được người sử dụng lao động đánh giá cao. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên đã định hình và có bước tiên bước đầu. Trường đã tạo ra một sân chơi khoa học và đã có 76 đề tài nghiên cứu của sinh viên thực hiện, có 14 đề tài được trao giải, trong đó có 01 đề tài được gửi đi tham gia xét chọn đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ. Sinh viên của Trường đạt giải cao trong các cuộc thi: 05 giải khuyến khích cuộc thi Olympic Vật lý lần thứ XVI; 02 giải ba và giải ba toàn đoàn cuộc thi Olympic Toán học lần thứ XXI; 02 giải cá nhân xuất sắc, 01 giải nhì và giải ba tập thể Olympic các môn khoa học Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.....Thành tích này chứng tỏ chất lượng đào tạo của Nhà trường ngày càng được nâng cao.

2.3 Giới thiệu về Khoa sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Du lịch

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, hiện nguồn nhân lực khoa gồm 79 cán bộ giảng viên gồm 3 PGS TS, 15 TS, 61 Thạc sĩ. Cơ cấu tổ chức của Khoa gồm 7 ngành đào tạo:

Ngành lịch sử: 12 giảng viên .

Ngành Ngữ Văn: 21 giảng viên.

Ngành CTXH: 9 giảng viên.

Địa lý: 7 giảng viên

Chính trị học: 6

Du lịch:10

Ngoài ra, nhà trường còn có đội ngũ đông đảo cán bộ có học vị tiến sĩ, thạc sĩ khoa từ các khoa như Khoa học Giáo dục, Hành chính – Luật, Công tác xã hội, Kinh tế, Ngoại ngữ tham gia giảng dạy và đội ngũ đông đảo các nhà khoa học là cộng tác viên thuộc các lĩnh vực chủ yếu của ngành đào tạo này ở các trường đại học, viện nghiên cứu đóng trên địa bàn TP Hồ Chí Minh và Bình Dương.

Trường cũng đã thiết lập mạng lưới liên kết các trường đại học nước ngoài, các nhà khoa học quốc tế sẵn sàng hợp tác và chia sẻ với Trường trong việc giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực này.

2.4 Lý do đăng ký mở ngành Du lịch

Đứng trước yêu cầu thực tiễn để phát triển ngành du lịch, Bộ Chính Trị đã thông qua nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với mục tiêu cụ thể: "Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành Kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực" và "Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông - Nam Á." Trong đó các giải pháp về Phát triển nguồn nhân lực du lịch rất được chú trọng về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trường Đại học Thủ Dầu Một có sứ mệnh đào tạo nhân lực có chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ - vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đứng trước nhu cầu của thị trường, quan điểm về phát triển ngành Du

lịch trở thành ngành mũi nhọn của Đảng và Nhà nước, trường nhận thức được được cần phải thể hiện vai trò của mình trong việc tham gia đào tạo nguồn nhân lực trong ngành du lịch đáp ứng nhu cầu của thị trường và xã hội.

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham thảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

Hiện nay, Đại học Thủ Dầu Một có: 10 giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo, đảm nhận trên 70% môn học thuộc chương trình đào tạo; trên 100 đầu sách giáo trình và hơn 200 đầu sách chuyên khảo ngành; 50 phòng học với 2.550 chỗ ngồi; 14 giảng đường với 1.680 chỗ ngồi; 02 hội trường với 750 chỗ ngồi; 05 phòng hội thảo với 200 chỗ ngồi. Tổng số diện tích Trường hiện có: 67.535,6 m²; diện tích phục vụ học tập 29.1107,8 m²; diện tích hội trường phòng học 17.724,1 m²; 05 phòng máy tính với 222 máy, 8 phòng thực hành – thí nghiệm trang bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm - thực hành cơ bản đến nâng cao đảm bảo chất lượng dạy và học. Ngoài ra trường còn có các kí kết hợp tác với các khách sạn lớn tại tỉnh Bình Dương phục vụ nhu cầu thực hành và thực tập của sinh viên. Trong 3 đến 5 năm đầu, Nhà trường dự tính tuyển 50 đến 100 sinh viên ngành du lịch mỗi năm.

Chương trình đào tạo ngành du lịch trình Bộ Giáo dục và Đào tạo được chúng tôi xây dựng theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017.

2.5 Căn cứ chính đăng ký mở ngành đào tạo

- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Căn cứ Nghị định 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 05 năm 2011, sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 75/2006/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết vào hương dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;
- Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;
- Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 24/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một Bình Dương, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng .
- Căn cứ công văn số 3281/BGD&ĐT-GDDH ngày 30/06/2015 của Bộ Giáo dục về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16 /04/2015;

- Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGD&ĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Căn cứ quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

- Căn cứ nhu cầu xã hội, khả năng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1 Năng lực của Trường Đại học Thủ Dầu Một

2.1.1 Về nhân sự

Tổng số cán bộ viên chức hiện đang làm việc tại Trường Đại học Thủ Dầu Một là 732 người, trong đó có 16 PGS.TS, 114 TS, 502 ThS (109 NCS) tỷ lệ TS/GV 20,6%. Liên quan trực tiếp đến ngành Du Lịch, hiện Đại học Thủ Dầu Một có 10 giảng viên, trong đó có 1 Tiến sĩ, 9 Thạc sĩ, gắn với các chuyên ngành Du Lịch, Lịch Sử, Địa Lý, Quy hoạch, Phát triển bền vững... với định hướng nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành Du Lịch. Tất cả các giảng viên trên đều là giảng viên cơ hữu tại trường, có đầy đủ bằng cấp chuyên môn và các chứng chỉ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giảng viên, đã có kinh nghiệm đứng lớp nhiều năm đồng thời có kinh nghiệm, kết quả nhất định trong công tác nghiên cứu khoa học; đảm bảo việc phụ trách các học phần trong Chương trình.

Ngoài ra, để đảm bảo công tác đào tạo, khoa phụ trách còn nhận được sự hỗ trợ từ các khoa, viện, trung tâm, phòng, ban trong trường về lực lượng giảng viên cho các học phần thuộc khối kiến thức đại, cương, cơ sở ngành khác cũng như các kỹ thuật viên, nhân viên các bộ phận.

Bên cạnh đó còn thường xuyên mời các chuyên gia từ các cơ sở đào tạo có uy tín khác trong cả nước đến để cộng tác, chia sẻ, học tập kinh nghiệm để từ đó nâng cao chuyên môn

Danh sách giảng viên:

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Học phần/môn học, dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Thủy	Tiến sĩ, Giám đốc chương trình	Lịch sử Việt Nam	Đại học Thủ Dầu Một	
2	Phạm Thanh Sang	Thạc sĩ, Giảng viên	Đa dạng sinh học và quy hoạch	Đại học Thủ Dầu Một	

3	Trần Thị Khánh Hòa	Thạc sĩ, Thư ký chương trình, giảng viên	Quản lý Môi trường và Du Lịch sinh thái	Đại học Thủ Dầu Một	
4	Phan Văn Trung	Thạc sĩ. NCS.	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
5	Nguyễn Thị Hoài Phương	Thạc sĩ.NCS	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
7	Vũ Hải Thiên Nga	Thạc sĩ	Địa Lý Phương pháp	Đại học Thủ Dầu Một	
8	Lê Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một	
9	Nguyễn Anh Hoành	Tiến sĩ	Địa Lý Tự nhiên	Đại học Thủ Dầu Một	
10	Phạm Kim Cương	Thạc sĩ	Địa lý kinh tế xã hội	Đại học Thủ Dầu Một	

2.2.2 Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

* Tổng quan về cơ sở vật chất hiện có

- Tổng diện tích: 643.630,5 (m²)
- Diện tích cho giảng đường/hội trường/phòng học: 18.928,5 (m²); trong đó:
 - + Phòng học: 156 phòng (từ 20 đến 100 chỗ ngồi, 2 hội trường lớn 200 và 700 chỗ ngồi)
 - + Phòng máy tính: 9 phòng (638,3 m²) với 222 máy tính; đa số có cấu hình DUAL CORE-E5500, RAM 1GB, Card mạng, màn hình, bàn phím...; nối mạng cục bộ; đường truyền Interne Lease LINE 4Mb/s kết nối Internet cho các phòng máy tính; đường truyền Nadsl 14Mb/s kết nối cho các phòng, khoa và cho hệ thống Interne không dây trong toàn trường hỗ trợ nhu cầu học tập và nghiên cứu của sinh viên,...
 - + Phòng học ngoại ngữ: 20 phòng (600 m²)
 - + Phòng nhạc, họa: 5 phòng (844,5 m²)
 - + Thư viện – Trung tâm học liệu: 5 phòng (1980 m²)
 - + Phòng thí nghiệm: 16 phòng (4654 m²)
 - + Xưởng thực tập, thực hành: 14 phòng (18.928,5 m²)

+ Nhà tập đa năng: 1 (836,5 m²)

*** Trung tâm Thông tin Thư viện**

- Diện tích thư viện: 1.980 m²; Diện tích phòng đọc: 1.410 m²
- Số chỗ ngồi: 468 ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0
- Thư viện điện tử: elib.tdmu.edu.vn;
- Tài liệu điện tử: sách 2.750, bài báo 5.600

Riêng đối với ngành Du Lịch, hệ thống tài liệu tại thư viện cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác giảng dạy và học tập, nghiên cứu của sinh viên. Hằng năm, thư viện đều tiến hành cập nhật, bổ sung tài liệu trên cơ sở đề xuất từ các giảng viên, Bộ môn, Khoa và thông tin từ các đơn vị xuất bản trong cả nước.

Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo ngành Du Lịch

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Ghi chú
1	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin Nguyễn	Nguyễn Viết Thông	NXB. Chính trị quốc gia	2011	20	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin	
2	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB. Chính trị quốc gia	2011	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
3	Giáo trình Đường lối CM của ĐCSVN	Đinh Xuân Lý, Nguyễn Đăng Quang	NXB. Chính trị quốc gia	2012	3	Đường lối CM của ĐCSVN	
4	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (CB)	NXB. Giáo dục	2014	9	Lịch sử văn minh thế giới	
5	Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB. Giáo dục	2010	5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Đình Qua	NXB. Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh	2013	5	Vấn đề nghiên cứu khoa học trong quan hệ quốc tế	

7	Giáo trình Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	5	Logic học đại cương	
8	Xã hội học	Huỳnh Công Bá	NXB Thuận Hóa	2012	5	Xã hội học đại cương	
9	Tâm lí học đại cương	Nguyễn Thị Vân Hương (chủ biên), Nguyễn Thị Yên, Ngô Thị Kim Dung và những người khác	NXB. Chính trị Quốc gia – Sự thật	2014	2	Tâm lí học đại cương	
10	Giáo trình Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Ngọc Lang	NXB. Đại học Quốc gia TP HCM	2012	10	Tiếng Việt thực hành	
11	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng	NXB. Giáo dục	2009	10	Nhân học đại cương	
12	Giáo trình ứng dụng tin học	Nguyễn Việt Dũng		2008		Tin học đại cương	
13	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 1,	Đào Huy Hiệp và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2012	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
14	Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh Tập 2	Nguyễn Tiến Hải và nhóm tác giả	NXB. Giáo dục Việt Nam	2011	11	Giáo dục quốc phòng - an ninh	
15	Cẩm nang du lịch văn hóa - Tâm linh Việt Nam	Nguyễn Trường Tân	NXB. Thanh niên, 2019	2019	20	Nghiệp vụ lễ hành	
16	Non nước Việt Nam : Sách hướng dẫn du lịch	Vũ Thế Bình	NXB. Tổng cục Du lịch,	2010	5	Quản trị di sản du lịch	
17	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Giáo dục,	2001	15	Tài nguyên và môi trường du	

						lịch Việt Nam	
18	Du lịch Việt Nam - Từ lý thuyết đến thực tiễn	Phan Huy Xu, Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2018	10	Tổng quan du lịch	
19	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật,	2017	20	Tổng quan du lịch	
20	Việt Nam - hình ảnh và ấn tượng	người phiên dịch Trần Anh Thơ	Giáo dục,	2001	5	Tổng quan du lịch	
21	Giáo trình tâm lý học du lịch	Nguyễn Hữu Thụ	Đại học quốc gia,	2009	10	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	
22	Du lịch Việt Nam	Vũ Đình Hòa	Chính trị Quốc gia Sự Thật	2017	10	Tổng quan du lịch	
23	Địa lý Du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ	Giáo dục Việt Nam,	2012	15	Địa lý Du lịch Việt Nam	
24	Tổng quan du lịch	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh,	2015	20	Tổng quan du lịch	
25	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2010	10	Quy hoạch du lịch	
26	Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể	Nguyễn Thị Hồng Nhất	Nxb. Đà Nẵng,	2016	5	Xã hội học du lịch	
27	Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam	Bùi Thị Tám, Võ Thị Ngọc Thúy	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2016	5	Văn hóa ẩm thực	
28	Địa lý du lịch cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa	Giáo dục Việt Nam,	2017	5	Địa lý du lịch	
29	Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá	Đại học Quốc gia	2016	15	Du lịch cộng đồng	

			Tp. Hồ Chí Minh,				
30	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2009	15	Quản trị kinh doanh lữ hành	
31	Tài nguyên du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục Việt Nam,	2011	10		
32	Phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Lê Anh Tuấn, Swathi Ravichandran, Phạm Xuân Hậu	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2019	5	Quản trị nguồn nhân lực	
33	Du lịch thế giới qua hình ảnh	Khánh linh	Thời đại,	2011	5	Tổng quan du lịch	
34	Địa lí dịch vụ	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	Đại học sư phạm,	2012	20	Địa lý du lịch thế giới	
35	Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa	Vương Xuân Tình, Vũ Đình Mười	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,	2016	10	Địa lý du lịch thế giới	
36	Sổ tay địa danh du lịch các tỉnh Trung Trung bộ	Nguyễn Quang Hà, Trần Hoàng, Mai Khắc Ứng, Phạm Hồng Việt, Nguyễn Vũ Đức.	Giáo dục,	2001	15	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
37	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục,	2012	20	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	
38	Di tích lịch sử cách mạng kháng chiến ở Việt Nam trong phát triển du lịch	Lâm Nhân	Đại học Quốc gia TP.HCM,	2017	5	Du lịch tâm linh	
39	Một số vấn đề văn hóa du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh	2016	10	Phát triển du lịch bền vững	

40	Du lịch Việt Nam	Võ Văn Thành	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,	2017	10	Tổng quan du lịch	
41	Tổ chức phục vụ các dịch vụ du lịch	Trần Văn Mậu	ĐHQG Hà Nội	2001	10	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Nghiệp vụ NHKS	
42	Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam. P.1: Các tỉnh và thành phố đồng bằng sông Hồng	Lê Thông	Hà Nội: Giáo Dục	2001	9	Địa lý du lịch Việt Nam	
43	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Phạm Trung Lương	Hà Nội: Giáo Dục	2000	12	Địa lý Du Lịch Việt Nam, Phát triển du lịch bền vững v.v	
44	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Đinh Trung Kiên	ĐHQG Hà Nội	2000	7	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	
45	Xã hội học du lịch	Nguyễn Văn Lê	TP.HCM: Trẻ	1996	9	Xã hội học Du Lịch	
46	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam	Đồng Nai: Tổng hợp	2000	7	Marketing Du lịch	
47	Kinh tế du lịch	Robert Lanquar	Hà Nội: Thế giới	2002	9	Kinh tế du lịch	
48	Giáo trình kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đỉnh, Trần thị Minh Hòa	Hà Nội : Lao động - Xã hội	2004	13	Kinh tế du lịch	
49	Lữ hành du lịch	Trần Văn Mậu	Hà Nội : Giáo dục	1998	5	Quản trị lữ hành	
50	Thủ đô các nước trên thế giới	Kiều Mạnh Thạc	Hà Nội : Thế giới	2004	7	Địa lý Du lịch thế giới	
51	Du lịch ba châu lục: Phi, Mỹ, Đại dương	Phùng Văn Hòa	Hà Nội : Văn hóa Thông tin	2005	5	Địa lý Du lịch thế giới	

52	Du lịch Châu Âu	Trương Mỹ Quyên	Hà Nội : Văn hóa Thông tin	2005	7	Địa lý Du lịch thế giới	
53	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	Hà Nội : ĐH Kinh tế quốc dân	2006	10	Quản trị lữ hành	
54	Quy hoạch du lịch những vấn đề lý luận và thực tiễn	Trần Văn Thông	TP. HCM : ĐH Văn Lang	2003	9	Quy hoạch du lịch	
55	Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương	Hà Nội : ĐH Kinh tế quốc dân	2009	10	Quản trị lữ hành	
56	Nhập môn khoa học du lịch	Trần Đức Thanh	Hà Nội : Đại học Quốc gia	2008	7	Tổng quan du lịch	
57	Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Nguyễn Văn Đính	H. : Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	7	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	
58	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng thị Lan Hương	Hà Nội : Lao động - Xã hội	2004	10	Chiến lược kinh doanh khách sạn	
59	Thiết kế quán bar & nhà hàng	Arian Mostaedi	Hà Nội : Giao thông vận tải	2005	6	Quản lý hoạt động khách sạn	
60	Đường vào nghề kinh doanh khách sạn	Hồng Vân, Công Mỹ, Minh Ninh	TP. HCM : Trẻ	2007	5	Chiến lược kinh doanh khách sạn	

Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1	Tạp chí du lịch	Tổng cục du lịch	Nhiều số, nhiều năm từ năm 2017	80	Tài liệu hỗ trợ nhiều học phần	Đúng với hồ sơ	

2	Kinh thành Huế địa danh = La citadelle de Hué omomastique	L. Cadière	Đà Nẵng : Đà Nẵng 1996	8	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	Đúng với hồ sơ	
3	Lịch sử Sài Gòn - Chợ lớn - Gia định kháng chiến (1945-1975)	Lưu Phương Thanh, Trần Hải Phụng	TP. HCM : TP. HCM 1994	4	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	Đúng với hồ sơ	
4	Huế di tích lịch sử - văn hóa danh thắng = Historical traces culture landscapes	Lê Đình Phúc	Hà Nội : Chính trị Quốc gia 1997	7	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	Đúng với hồ sơ	
5	Lịch sử Ấn độ	Vũ Dương Ninh, chủ biên	Hà Nội : Giáo dục 1995	5	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
6	Lịch sử Nhật bản	Phan Ngọc Liên, chủ biên	Hà Nội : Văn hóa Thông tin 1997	7	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
7	Nước Pháp trong lòng thế giới	Gabriel Wackermann	Hà Nội : Giáo dục 1995	5	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
8	Tên các nước và các địa danh trên thế giới	Quang Hùng	TP. HCM : TP. HCM 1996	8	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
9	Non nước Việt Nam	Nguyễn Thế Bình	Hà Nội : Hà Nộ 2003i	11	Địa lý du lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
10	Danh lam nước Việt	Võ Văn Tường, Huỳnh Như Phương	TP. HCM : Mỹ thuật 1995	5	Địa lý du lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	

11	Lịch sử văn hóa Trung quốc	Đàm Gia Kiện chủ biên	Hà Nội : Khoa học xã hội 1999	8	Địa lý du lịch thế giới	Đúng với hồ sơ	
12	Tìm hiểu làng nghề thủ công điêu khắc cổ truyền	Chu Quang Trứ	TP. HCM : Mỹ thuật 2000	9		Đúng với hồ sơ	
13	Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Phạm Trung Lương	Hà Nội : Giáo dục 2002	3	Phát triển du lịch bền vững	Đúng với hồ sơ	
14	Di tích lịch sử văn hóa trong khu phố cổ và xung quanh hồ Hoàn Kiếm Hà Nội	Lưu Minh Trị	Hà Nội : Hà Nội 2002	7	Địa lý Du Lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	
15	Cẩm nang du lịch Tây nguyên = Tourist guide book for the western highlands	Văn Phong	Hà Nội : Văn hóa Dân tộc 2004	4	Địa lý Du Lịch Việt Nam	Đúng với hồ sơ	

Ngoài ra, Trường Đại học Thủ Dầu Một còn dự kiến đầu tư xây dựng cơ sở Trường mới tại Khu Đô thị và Công nghiệp Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

Tổng Diện tích khu đất khoảng 57,6 hecta, được quy hoạch xây dựng định hình rõ 03 khu vực: Khu vực xây dựng Trường Đại học, khu vực xây dựng Ký túc xá sinh viên, khu vực xây dựng Trường phổ thông năng khiếu Đại học Thủ Dầu Một. Với quy mô từng dự án cụ thể như sau:

- + **Công trình - Trường Đại học Thủ Dầu Một:** Quy mô sinh viên: 24.500 SV Diện tích đất xây dựng công trình: 86.114,52 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 241.936,3 m²
- Tổng giá trị xây dựng công trình khoảng 2.600 tỷ đồng
- + **Công trình - Trường phổ thông Năng khiếu:** quy mô 1.620 học sinh
- + **Công trình - Ký túc xá sinh viên:** quy mô 14.000 chỗ ở.

Trường Đại học Thủ Dầu Một có liên kết, hợp tác với các khách sạn 3 sao, 4 sao trên địa bàn như khách sạn The Mira, Khách sạn Becamex, Long Bảo Châu để làm nơi thực hành và thực tập cho sinh viên.

2.1.3 Về Nghiên cứu Khoa học

- Hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm cho học tập và nghiên cứu

Bắt đầu từ năm 2015, Trường mạnh dạn đầu tư máy móc hiện đại, phục vụ cho thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực tự nhiên và môi trường. Điển hình là máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS) giá trị hơn 1,6 tỷ đồng; máy quang phổ hồng ngoại chuyển đổi Fourier (638 triệu đồng); máy quang phổ hấp thụ UVvis/NIR (470 triệu đồng)....

- Huy động tối đa các nguồn lực tài chính và con người của cả nước để thực hiện các dự án khoa học

Thông qua Đề án nghiên cứu khoa học về Đông Nam Bộ, Trường đang thực hiện là đầu mối liên kết các nhà khoa học của vùng, của cả nước; các cơ sở, đơn vị nghiên cứu như: các Sở khoa học Công nghệ các tỉnh thành Đông Nam Bộ, các Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, Quỹ phát triển công nghệ quốc gia Nafosted, các Trường đại học.... để thực hiện các đề tài gắn liền với miền Đông Nam Bộ và phục vụ cho phát triển kinh tế- xã hội của vùng và đặc biệt là cho tỉnh Bình Dương.

Trong những năm gần đây, Trường đã tổ chức thành công các Hội thảo Quốc gia: “Chiến thắng Điện Biên Phủ- Những vấn đề lịch sử”, “20 năm đô thị hóa Nam Bộ- Lý luận và thực tiễn” (2014), “20 năm đô thị hóa Bình Dương- Những vấn đề thực tiễn” (2015)... Các Hội thảo Quốc tế: “Nền móng và giải pháp địa kỹ thuật xây dựng” (2013), “Việt Nam- 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập” (2015), Hội thảo quốc tế Công nghệ và quản lý xanh IFGTM lần VI – 2016 chủ đề “Tăng trưởng xanh - Con đường hướng đến phát triển bền vững” với sự tham gia của các học giả nổi tiếng của Việt Nam và thế giới như: GS,TSKH Vũ Minh Giang (Phó chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam), GS.TS. Bùi Cách Tuyến – Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường, GS. Tusboi (Đại học Waseda, Nhật Bản, GS. Thayer (Học viện quốc phòng Úc)....

Trường gửi hồ sơ tham dự tuyển chọn chủ trì thực hiện 02 đề tài do Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) tài trợ; quản lý thực hiện 02 đề tài cấp Quốc gia, 03 đề tài cấp tỉnh Bình Dương, 01 đề tài cấp tỉnh Bình Thuận do Trường là đơn vị chủ trì thực hiện; quản lý 144 đề tài cấp cơ sở. Đến nay, có 03 đề tài cấp tỉnh và 01 đề tài Nafosted được nghiệm thu chính thức. Trong năm học 2018-2019, Trường đã ký Hợp đồng biên soạn 27 tài liệu, tổ chức nghiệm thu 16 tài liệu (gồm 3 giáo trình, 01 sách tham khảo và 12 sách hướng dẫn học tập), xuất bản 15 tài liệu (gồm 15 sách tham khảo). Các tài liệu được phát hành, lưu hành nội bộ phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học tại Trường

Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường từ chỗ chỉ đạt tỷ lệ 18,41% năm 2010, đã lên 74,06% năm 2015. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học từ 3,64% năm 2013, đã tăng lên 10,59% năm 2015. Đây là những con số đáng khích lệ và cho thấy bước chuyển biến tích cực, tạo thành phong trào nghiên cứu khoa học mạnh mẽ trong tập thể Trường đại học Thủ Dầu Một. Đặc biệt, năm 2014 một đề tài khoa học của sinh viên đã đạt giải ba cuộc thi tài năng khoa học trẻ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (tên đề tài: Tổng hợp và nghiên cứu hoạt tính sinh học của vật liệu y sinh Hydroxyapatite từ vỏ trứng”).

Số bài báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, kỷ yếu Hội thảo trong nước: 920 bài; Số bài báo nước ngoài: 99 bài; Số báo cáo khoa học tại các Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế: 101 bài; Hoàn thành 15 giáo trình.... Từ khi bắt đầu thành lập Trường đại học Thủ Dầu Một cho đến nay, Trường đã thực hiện:

+ 01 đề tài cấp Nhà nước 2013-2015 do Quỹ phát triển khoa học Công nghệ Quốc gia Nafosted tài trợ “Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP”

+ 07 đề tài cấp tỉnh và 238 đề tài cấp trường. Hiện trường đang chú trọng tập trung nghiên cứu các đề tài liên quan mật thiết đến Bình Dương và Đông Nam Bộ là: “Sự bùng phát của cây lục bình trên địa bàn tỉnh Bình Dương và đề xuất giải pháp kiểm soát hiệu quả”; “Dân nghèo Bình Dương- Đông Nam Bộ- Thực trạng và các giải pháp giảm nghèo mang tính bền vững”; “Chiến lược phát triển bền vững không gian đô thị Bình Dương trong quan hệ tổng thể miền Đông Nam Bộ- Tầm nhìn 2020-2030”; “Nghiên cứu xử lý Protein trog laxe cao su tự nhiên đạt chuẩn quốc tế bằng Polyscarite”; công trình Nuôi nấm Đông Trùng hạ thảo trong phòng thí nghiệm (sản phẩm Đông Trùng hạ thảo do nhóm giảng viên khoa Tài nguyên Môi trường nghiên cứu đã vinh dự nhận giấy chứng nhận và cúp vàng sở hữu trí tuệ “Sản phẩm tin cậy-Dịch vụ hoàn hảo-Nhãn hiệu ưa dùng năm 215” của Tạp chí Sở hữu trí tuệ và Viện Sở hữu trí tuệ Quốc tế).

- Tạp chí khoa học Đại học Thủ Dầu Một hoạt động hiệu quả và có uy tín. Từ năm 2011 xuất bản định kỳ 6 số/năm, đăng tải các bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên cao học trong và ngoài trường. Hội đồng chức danh giáo sư cấp Nhà nước đã dùng Tạp chí để tính điểm trong phong hàm PGS, GS các lĩnh vực Sử học- Khảo cổ học- Dân tộc học và Tâm lý học. Tạp chí đã xuất bản được 21 số, đăng tải 242 bài báo khoa học có chất lượng. Trung tâm nghiên cứu và phát triển, Ban biên dịch bước đầu triển khai kế hoạch hoạt động góp phần làm cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường thêm phong phú, đa dạng.

Sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một trong năm 2019 đạt rất nhiều giải thưởng về cuộc thi khởi nghiệp và giải khoa học cấp Bộ. Trong hoạt động khởi nghiệp: 01 Giải Ba Cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” cấp bộ năm 2019; 01 Giải Nhất Cuộc thi BE GREEN! V2WORK ENTERPRISING IDEAS COMPETITION 2019; Giải Ba và khuyến khích - Giải thưởng Tài năng Lương Văn Can năm 2019; Giải nhất -

Cuộc thi “IoT Startup” năm 2019 do Khu Công nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; 01 Giải Nhất, 01 Giải Nhì và 01 Giải Ba Cuộc thi “Thử thách tài chính”, lần 1 năm 2019 với chủ đề “Giải pháp tài chính cho các dự án khởi nghiệp”; Giải Olympic Quốc gia, quốc tế; giải thưởng khoa học cấp Bộ: 01 Giải Ba Cuộc thi Olympic Toán sinh viên toàn quốc; 03 Giải Ba, 02 Giải Khuyến khích và Giải Ba toàn đoàn Cuộc thi Olympic Vật lý sinh viên toàn quốc; 01 Giải Nhất, 01 Giải Nhì, 02 Giải Ba Cuộc thi Olympic Hóa sinh viên toàn quốc; 01 Giải ba khối chuyên tin và 01 Giải Khuyến khích khối không chuyên - Cuộc thi Olympic Tin học Sinh viên; 01 Giải Ba vòng ICPC quốc gia Việt Nam Cuộc thi lập trình sinh viên quốc tế ICPC khu vực châu Á; 01 Giải Khuyến khích Cuộc thi “Kiến trúc xanh sinh viên” toàn Quốc.

2.1.4. Về hợp tác quốc tế

Từ năm 2013 đến năm 2015, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi học tập kinh nghiệm nước ngoài. Điển hình như: Học tập, trao đổi kinh nghiệm tại trường Đại học Thammasat (Vương Quốc Thái Lan); Tham dự “Diễn đàn giáo dục Đài – Việt lần thứ 3” (Trường Đại học

Nghĩa Thủ, thành phố Cao Hùng); Tham dự Hội nghị CDIO thế giới lần thứ 11 (Trường Đại học Công nghệ thông tin Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) và thực hiện thành công báo cáo xin gia nhập Tổ chức CDIO thế giới. Có 02 đoàn sinh viên sang Đại học Bình Đông, Đài Loan tham gia hoạt động giao lưu sinh viên quốc tế trong 2 tuần từ 06/08/2018 – 17/08/2018 và từ 09/07/2019 – 18/07/2019; Đoàn sinh viên sang Đại học Kỹ thuật Cao Hùng, Đài Loan giao lưu văn hóa từ ngày 14/01/2019-23/01/2019; Đoàn giảng viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn sang Đại học Vân Nam, Trung Quốc giao lưu giảng dạy và trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu văn hóa Việt Nam từ 14/05/2019 – 25/05/2019; Đoàn sinh viên và giảng viên khoa Ngoại ngữ sang Đại học Trung Hưng, Đài Loan học tiếng Hoa và giao lưu văn hóa từ 28/06/2019 – 07/07/2019; Đoàn sinh viên và giảng viên khoa Ngoại ngữ sang Đại học Bách khoa Quế Lâm, Trung Quốc dự trại hè nâng cao trình độ tiếng Hoa từ 01/07/2019 đến 14/07/2019; Đoàn sinh viên và giảng viên khoa Ngoại ngữ sang Đại học Rambhai Barni Rajabhat, Thái Lan thi hùng biện tiếng Anh, tìm hiểu môi trường giáo dục Thái Lan, giao lưu văn hóa từ ngày 07/07/2019-13/07/2019; Đoàn sinh viên khoa Ngoại ngữ tham gia trại hè quốc tế tại Đại học Trường Vinh. Đài Loan từ 08/07/2019 – 18/07/2019.

Các chuyến thực tập nước ngoài cho học viên cao học của Trường: Học viên cao học ngành Khoa học môi trường và ngành Lịch sử Việt Nam thực tập tại tỉnh Chăm-pasak (Lào) (26/02/2019 – 03/03/2019); Học viên cao học ngành Ngôn Ngữ Anh thực tập tại trường Đại học Rangsit (Thái Lan) (14/03/2019 – 17/03/2019); Học viên cao học ngành Công tác Xã Hội thực tập tại các trường Malaysia (30/06/2019-03/07/2019). Các khóa tập huấn ngắn hạn với chuyên gia nước ngoài nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường: Tổ chức khóa tập huấn thiết kế và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA cho cán bộ, giảng viên Trường do chuyên gia của tổ chức AUN ông Ong Chee Bin chủ trì từ ngày 16/10/2018-19/10/2018; Tổ chức buổi nói chuyện khoa học với bà Deepika, Nhà xuất bản Wiley, Singapore theo chủ trương của Bộ Giáo dục & Đào tạo ngày 13/12/2018; Tổ chức khóa tập huấn “Công tác xã hội với trẻ em” do Tiến sĩ Karen Winter – Giảng viên cao cấp, Trường Khoa học xã hội; Khoa Giáo dục và Công tác xã hội – Đại học Queen’s Belfast chủ trì vào tháng 03/2019; Tổ chức khóa tập huấn nâng cao năng lực nghiên cứu và báo cáo khoa học cho cán bộ, giảng viên Trường do 02 Giáo sư của Trường Đại học Khoa học Malaysia chủ trì từ 15/05/2019 - 17/05/2019; Tổ chức buổi tập huấn “Kinh nghiệm giải quyết các tình huống phát sinh thực tế trong hoạt động của doanh nghiệp” giữa học viên cao học của Trường đại học Northern Kentucky với học viên cao học của Trường Đại học Thủ Dầu Một nhằm nâng cao kỹ năng làm việc và giải quyết vấn đề thực tiễn vào tháng 05/2019. Phối hợp tổ chức, tham gia các buổi tư vấn du học đem đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận với các thông tin học tập, học bổng ở nước ngoài: Đưa đoàn sinh viên khoa Ngoại ngữ đi tham dự Buổi giới thiệu du học Đài Loan năm 2018 tại trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, TPHCM ngày 30/09/2018; Tư vấn du học tại Hoa Kỳ với Lãnh sự Quán Hoa Kỳ tại Tp.HCM ngày 04/10/2018; Tư vấn du học Hàn Quốc với trường Đại học Kyung Hee, Hàn Quốc ngày 15/04/2019. Tổ chức thành công các buổi giao lưu văn hóa với các trường nước ngoài tạo cơ hội cho sinh viên Trường học hỏi, tìm hiểu văn hóa nước bạn: Trường Đại học Hannam, Hàn Quốc từ ngày 27/12/2018 – 08/01/2019; Đoàn sinh viên tình nguyện Hàn Quốc ngày 19/01/2019.

Hoàn thành thủ tục tiếp nhận và các thủ tục liên quan (visa,...) cho các giáo viên Đài Loan, Philippines giảng dạy tại Khoa Ngoại ngữ của Trường:

- + 08 sinh viên Đại học Đà Nẵng và 04 học viên cao học Đại học Bình Đông thực tập giảng dạy tại khoa Ngoại ngữ tháng 08/2018;
- + Tiếp nhận 03 tình nguyện viên Đà Loan đến giảng dạy tiếng Hoa tại khoa Ngoại ngữ từ tháng 08/2018 đến tháng 06/2019;
- + Tiếp nhận 02 giáo viên Philippiness đến giảng dạy tiếng Anh từ 09/2018 – 06/2019.

Phối hợp tổ chức 01 hội thảo quốc tế quy mô lớn Hội thảo khoa học Quốc tế Viễn cảnh Đông Nam Bộ với chủ đề “Nguồn nhân lực chất lượng cao: Kinh nghiệm các quốc gia châu Á cho Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam – Việt Nam” tháng 12/2018: Khai giảng lớp Cao học EMBA phối hợp với Đại học Trung Hưng dành cho doanh nhân người Đà Loan ngày 16/03/2019. Ngoài ra, Phòng còn liên hệ, tổ chức các đoàn (23 đoàn) đi học tập kinh nghiệm, công tác, mở rộng Hợp tác Quốc tế tại Đà Loan, Singapore, Malaysia, Lào, Thái Lan, Tây Ban Nha; Tổ chức các chuyến đi tham dự hội thảo cho cán bộ, giảng viên trường tại Hà Lan, Philippines, Đà Loan, Thái Lan. Phối hợp với Trung tâm Thị trường Lao động thực hiện dự án phát triển trung tâm thị trường lao động, các kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên (V2WORK) của châu Âu

Hiện nay, Trường Đại học Thủ Dầu Một là thành viên thứ 3 của Việt Nam gia nhập tổ chức CDIO thế giới sau Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Duy Tân và là thành viên liên kết của tổ chức AUN.

Hoạt động quan hệ quốc tế của Trường không ngừng mở rộng, Trường đã đón tiếp nhiều đối tác đến từ các nước: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, đoàn đại diện Cộng đồng Pháp ngữ (Agence Universitaire de la Francophonie - AUF), đại diện Tổng lãnh sự Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh, đại sứ quán Australia tại Hà Nội; tiếp đoàn đại biểu Trường Đại học Kyungseong, Viện trao đổi văn hóa quốc tế Hàn Quốc, Trường Nhật ngữ An (Nhật Bản), Đại học Nam Columbia, Đại học Nam Queensland (Australia), Đại học Hull (Vương quốc Anh). Ký biên bản ghi nhớ hợp tác với đại học Woosong về thành lập Trung tâm Hàn Ngữ, trao đổi chương trình đào tạo và giảng viên, ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Học viện Bình Đông (Đà Loan) để hợp tác đào tạo cho doanh nhân Đà Loan đang làm việc tại các tỉnh Đông Nam Bộ. Hiện Trường đang cùng Trường Đại học Kyungseong thực hiện các bước cần thiết để thành lập Trung tâm ngôn ngữ Hàn- Việt đặt tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Ngoài ra, hiện nay Trường đang đào tạo 25 sinh viên của nước Lào, theo học các ngành Quản trị- Kinh doanh, Tài chính- Ngân hàng và Công nghệ thông tin.

2.2 Về Chương trình đào tạo và Kế hoạch đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Du lịch được xây dựng và cố vấn bởi các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy và quản lý các chương trình đào tạo nhân lực ngành du lịch. Việc xây dựng chương trình dựa trên việc khảo sát yêu cầu năng lực của các doanh nghiệp, tham khảo các chương trình du lịch của các trường đại học trong và ngoài nước như: Đại học Văn Hiến, Đại Văn hoá, The Hong Kong Polytechnic University, EU Business School v.v Do đó chương trình đào tạo ngành du lịch của trường Đại học Thủ Dầu Một đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, tính hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo bao gồm 120 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục quốc phòng (GDQP) và Ngoại ngữ) được đào tạo trong thời gian 8 học kỳ, trong đó khối kiến thức đại cương gồm 32 tín chỉ, khối kiến thức

cơ sở ngành 58 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 20 tín chỉ và thực tập, đồ án tốt nghiệp: 10 tín chỉ.

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Trường Đại học Thủ Dầu Một đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học tại địa chỉ website <https://tdmu.edu.vn/>

2. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ đầu tư đầy đủ các lĩnh vực theo quy định để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đào tạo đối với ngành **Du lịch** theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường cam kết sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy.

3. Trường Đại học Thủ Dầu Một kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và chấp thuận cho Trường mở ngành đào tạo cư nhân **Du Lịch**.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐT và các PHT;
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Ngô Hồng Điệp

DANH SÁCH LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN⁴

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 04 - 04 - 1977

4. **Nơi sinh:** Phú Yên

5. **Nguyên quán:** Phú Yên

6. **Đơn vị công tác:**

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Địa lý học

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Sử

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2007

8. **Chức danh khoa học:**

Phó Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

Giáo sư

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Trưởng Bộ môn Địa lý

11. **Liên lạc:**

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Khoa Sử - ĐH Thủ Dầu Một	122/10 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phú Hòa, TPTDM, BD
2	Điện thoại/ fax	0650 3837800	0916 337 477
3	Email		phuongnth@tdmu.edu.vn

12. **Trình độ ngoại ngữ:**

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Viết	Đọc hiểu tài liệu
----	---------------	------	-----	------	-------------------

⁴ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

		<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>TB</i>
1	Tiếng Anh		x			x			x		x		
2	Tiếng Pháp			x			x			x			x

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
01/8/2006 – 30/7/2007	Đại học An Giang	Giảng viên
01/8/2007 – 30/6/2014	Đại học Thủ Dầu Một	Phó trưởng bộ môn
01/7/2014 – 06/2018	Đại học Thủ Dầu Một	Trưởng bộ môn
07/2018	Đại học Thủ Dầu Một	Phó GDCT

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	1995-1999	Trường ĐHKHXHNV TP.HCM	Địa lý Môi trường	Thi tốt nghiệp
Đại học	2007-2012	Trường ĐHKHXHNV TP.HCM	Ngữ văn Anh	Thi tốt nghiệp
Thạc sỹ	2003-2006	Trường ĐHSP TP.HCM	Địa lý học	Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến các ngành và lĩnh vực TPHCM
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
----------------------------	------------------	--------------------	-------------------------

10/2014	Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (hoạt động trong giờ dạy)	Đại học TDM + ĐH Trà Vinh	Giấy chứng nhận
12/2014	Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (chuẩn đầu ra)	Đại học TDM + ĐH KHTN TPHCM	Giấy chứng nhận
14-17/7/2015	Tập huấn về chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO (phương pháp giảng dạy, soạn đề thi)	Đại học TDM + ĐH Trà Vinh	Giấy chứng nhận
02-05/8/2016	Tập huấn về các kỹ năng giảng dạy (ISW)	ĐH TDM	Giấy chứng nhận
25/12/2017-25/02/2018	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	ĐHKHXH & NV	Chứng chỉ

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Địa lý
- Chuyên ngành: Địa lý học (trừ địa lý tự nhiên)

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Các vấn đề Địa lý KTXH
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Ảnh hưởng của đô thị hóa đến quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương	50.0420 16-Cấp trường/ Địa lý học	8/2014-8/215	44.647	Chủ nhiệm	24/12/2015	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay)	Sản phẩm của đề tài/ dự án
----	---------------------------------------	-----------------------	----------------	-------------	-------------------------------	----------------------------

					phụ)	(chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1. Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Quá trình đô thị hóa ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 - 2015	Tạp chí Khoa học, ĐH Sư phạm TPHCM 1859-3100		Tập 14. Số 5(2017)
2	Vài nét đặc trưng đô thị hóa tỉnh Bình Dương giai đoạn 2000 - 2015	Tạp chí Khoa học, ĐHAN Giang, 0866-0886		Quyển 23. Tháng 5/2019

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoài Phương, Sự chuyển mình của Điện Biên Phủ sau sáu mươi năm, Hội thảo cấp quốc gia (Chiến thắng Điện Biên Phủ, những vấn đề lịch sử), 5/2014, ĐHTDM		Bài tham luận	Tác giả
2	Phan Văn Trung-Phan Duy Anh- Nguyễn Thị Hoài Phương, Ứng dụng GIS trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, Hội thảo cấp trường (Giá trị và phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội nhà trường phổ thông), 8/2015, ĐH Đồng Tháp		Bài tham luận	Đồng tác giả
3	Nguyễn Thị Hoài Phương, Ảnh hưởng của đô thị hóa đến chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất tỉnh Bình Dương, Hội thảo cấp quốc gia (20 năm ĐTH Bình Dương-những vấn đề thực tiễn), 16/1/2016, ĐHTDM			Tác giả
4	Nguyễn Thị Hoài Phương, Xây dựng chương trình Địa lý học theo hướng tiếp cận CDIO tại Trường ĐH Thủ Dầu Một, Hội thảo cấp Trường (Xây dựng chuẩn đầu ra ngành SP Lịch sử và SP Địa lý theo hướng tiếp cận CDIO-Nhu cầu và giải pháp), 22/3/2016 ĐHTDM		Bài tham luận	Tác giả

5	Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố đô thị tỉnh Bình Dương</i> , Hội thảo cấp Quốc gia (Bình Dương-20 năm phát triển và hội nhập 1997-2017), 26/12/2016 ĐHTDM		Bài tham luận	Tác giả
6	Phạm Thị Xuân Thọ, Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Hiện trạng sử dụng đất tỉnh Bình Dương trong quá trình đô thị hóa</i> (Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần IX, chủ đề: Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh- ĐHQG Nhơn 24/12/2016)		Bài tham luận	Đồng tác giả
7	Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Thực trạng phát triển du lịch tỉnh Bình Dương và đề xuất một số giải pháp</i> (Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần X, chủ đề: Khoa học Địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh - ĐHQG Đà Nẵng 21-22/4/2018)		Bài tham luận	Tác giả
8	Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>Những tuyến điểm du lịch tỉnh Bình Dương</i> (Hội thảo quốc tế, chủ đề: Du lịch quốc tế: con đường kết nối văn hóa giữa các tỉnh thành và cộng đồng của Việt Nam và Malaysia - ĐHTDM 11/5/2018)		Bài tham luận	Tác giả
9	Nguyễn Thị Hoài Phương, <i>ĐTH tỉnh Bình Dương từ sau năm 1997</i> (Hội thảo KH Địa lý toàn quốc lần XI, chủ đề: KH Địa lý VN phục vụ phát triển bền vững trong thời kỳ CMCN 4.0 - ĐHQG Huế 20/4/2019)		Bài tham luận	Tác giả

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

TT	Tên giải pháp	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

TT	Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Năm chuyển giao	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên chương trình	Chức danh

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

TT	Thời gian	Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo	Chức danh

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Lãnh đạo Khoa



Bình Dương, ngày tháng năm 2019

Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Nguyễn Thị Hoài Phương

<Mẫu 5 - Lý lịch khoa học>

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Nguyễn Thị Vân Anh

2. **Giới tính:** Nữ

3. **Ngày sinh:** 02/09/1984

4. **Nơi sinh:** Thiệu Đô – Thiệu Hóa – Thanh Hóa

5. **Nguyên quán:** Xóm 10 - Thiệu Đô – Thiệu Hóa – Thanh Hóa

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận: Địa lý học.....

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn

7. **Học vị cao nhất:** Thạc sĩ..... Năm đạt học vị: 2014.....

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

Giáo sư ☐ Năm công nhận: ... Nơi công nhận:.....

9. **Chức danh nghiên cứu:**

10. **Chức vụ:** Giảng viên.....

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 – Trần Văn Ôn – Phú Hòa – Thủ Dầu Một – Bình Dương	Khu phố 6 – Phú Hòa – Thủ Dầu Một – Bình Dương
2	Điện thoại/ fax	0274 837 800	0977133639
3	Email	khoakhxhvn@tdmu.edu.vn	anhntv@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB

1	Anh văn			x			x			x		
2												

13. Thời gian công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
7/2007- 6/2009	Trường THPT Lê Quý Đôn	Giáo viên, Ủy viên BCH Đoàn
6/2009 – 3/2016	Trường CĐ Nghề số 8	Giáo viên, phó bộ môn
1/4/2016 → nay	Trường đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên
Từ...nay		

14. Quá trình đào tạo:

<i>Bậc đào tạo</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Chuyên ngành</i>	<i>Tên luận án tốt nghiệp</i>
Đại học	9/2003 – 7/2007	Trường ĐHSP Đà Nẵng	Cử nhân địa lý	Tìm hiểu sự biến động cơ cấu dân số tại Đà Nẵng.....
Thạc sỹ	6/2012 – 6/2014	Trường ĐHSP Huế	Địa lý tự nhiên	Nghiên cứu sự đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Cát Tiên phục vụ định hướng bảo tồn bền vững.
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

<i>Văn bằng/ Chứng chỉ</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Nơi đào tạo</i>	<i>Tên khóa đào tạo</i>
Anh văn B1	2012 – 2014	Trường ĐHSP Huế	
Tin học B	2015	Viện bồi dưỡng –	

		đào tạo Tp Hồ Chí Minh	
Nghị quyết vụ sư phạm	10/2016 – 12/2016	Trường ĐH Thủ Dầu Một	Nghị quyết vụ sư phạm dành cho giảng viên khóa 3

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:

16.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực: Địa lí
- Chuyên ngành: Địa lý tự nhiên.....

16.2 Hướng nghiên cứu:

1.
2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				Thạc sỹ		
2				Tiến sỹ		

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1						
2						

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỳ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án	Ghi chú
----	---	--------------	----------------------------	---------

			(chỉ ghi mã số)	
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân Anh, "Quá trình chuyển dịch kinh tế Bình Dương giai đoạn 1997 – 2016: những đặc điểm chính và nguyên nhân", Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc lần thứ 9, 12/2016, thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định.			
2	Nguyễn Thị Vân Anh, "Bình Dương trong mối liên kết phát triển bền vững với Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam" – Ngày hội khoa học cán bộ trẻ TDMU lần 1, 6/2017, Trường đại học Thủ Dầu Một.			
3	Nguyễn Thị Vân Anh, "Việt Nam hai mươi năm hội nhập kinh tế: thực trạng và những thành tựu đạt được" – Ngày hội khoa học cán bộ trẻ TDMU lần 2, 6/2018, Trường đại học Thủ Dầu Một			
4	Nguyễn Thị Vân Anh, "Hiện trạng và giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học Khu Nam Cát Tiên tỉnh Đồng Nai", Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc lần thứ 10, 04/2018, thành phố Đà Nẵng			Đồng Tác giả
5	Nguyễn Thị Vân Anh, "Bình Dương trong liên kết phát triển bền vững với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam", Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc lần thứ 10, 04/2018, thành phố Đà Nẵng			
6	Nguyễn Thị Vân Anh, "Giáo dục Mầm non tỉnh Bình Dương: thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng", Hội nghị khoa học địa lý toàn quốc lần thứ 11, 04/2019, thành phố Huế			
7	Nguyễn Thị Vân Anh, "Vị trí của Bình Dương trong liên kết phát triển bền vững với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam", Hội nghị khoa học Khoa Khoa học Quản lý			

IN TÀI
HỌC
THU DẦU MỘT
ĐỒNG

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
----	-----------------	----------------------	---------	---------

1				
2				

2. Bảng phát minh, sáng chế:

<i>TT</i>	<i>Tên bằng</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

TT	Thời gian	Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu	Nội dung tham gia

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. KHOA HỌC



TS. Trần Văn Trung

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 20...

Người khai

(Họ tên và chữ ký)

Anh

Nguyễn Thị Vân Anh



LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Trần Thị Khánh Hòa
Giới tính: nữ
Ngày, tháng, năm sinh: 12/06/1989
Nơi sinh: Bình Dương
Quê quán: Nghệ An
Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc Sĩ
Năm, nước nhận học vị: 2016, Việt Nam
Chức danh khoa học cao nhất:
Năm bổ nhiệm:
Chức vụ : Giảng viên
Đơn vị công tác: Chương trình Du lịch – khoa KHXH&NV – ĐH Thủ Dầu Một
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: P. Phú Thọ - TP. Thủ Dầu Một – T. Bình Dương
Điện thoại liên hệ: CQ: NR: ĐD:0909808055
Fax: Email: hoattk@tdmu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: ĐH Nông Lâm TP.HCM; Ngành học: Quản lý Môi trường và Du lịch sinh thái; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2011;
Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Năm cấp bằng: 2016;
Nơi đào tạo: Viện Tài nguyên Môi trường – ĐH Quốc gia TP.HCM

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh Mức độ sử dụng: B1
2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2012 đến nay	ĐH Thủ Dầu Một	Giảng viên Bí thư Đoàn khoa Chuyên viên Viện Phát triển Chiến lược

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

¹ Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của cơ quan

TL HIỆU TRƯỞNG
TR. KHOA HỌC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THỦ DẦU MỘT

TS. Trần Văn Trung

....., ngày tháng năm

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)



Trần Thị Khánh Hòa



LÝ LỊCH KHOA HỌC

Ảnh 3x4

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên: **VŨ HẢI THIÊN NGÀ**

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 19/02/1979

4. Nơi sinh: Nam Định

5. Nguyên quán: Nam Định

6. Đơn vị công tác:

Bộ môn/ Phòng thí nghiệm/ Bộ phận:

Khoa/ Phòng/ Ban/ Trung tâm: Khoa Sử

7. Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm đạt học vị: 2009

8. Chức danh khoa học:

Phó Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

Giáo sư

☐

Năm công nhận: ...

Nơi công nhận:.....

9. Chức danh nghiên cứu:

10. Chức vụ: Giảng viên

11. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ	Số 6 – Đường Trần Văn Ôn – Phường Phú Hòa – TP Thủ Dầu Một - BD	B901 Chung cư Hiệp Thành 3 – Hiệp Thành – TP. TDM-BD
2	Điện thoại/ fax	0651 3837 800	0919018878
3	Email		ngavht@tdmu.edu.vn

12. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
	Tiếng Anh			x			x			x			x

13. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2000 đến 2010	Trường THPT Nguyễn Huệ - Bình Long - Bình Phước	Giáo viên
Từ 2010 đến nay	Trường Đại học Thủ Dầu Một - Bình Dương	Giảng viên

14. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học	1996 - 2000	ĐH sư phạm Thái Nguyên	Sư phạm Địa lý	
Thạc sỹ	2006 - 2009	ĐH sư phạm Huế	LL&PP Dạy học Địa lí	Tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh lớp 10 trong bài dạy học lên lớp

15. Các khóa đào tạo khác (nếu có):

Văn bằng/ Chứng chỉ	Thời gian	Nơi đào tạo	Tên khóa đào tạo
ISW	4/2016	ĐH TDM	

16. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu:**16.1 Lĩnh vực chuyên môn:**

- Lĩnh vực: LL & PP DH.
- Chuyên ngành: Địa lí

16.2 Hướng nghiên cứu:

1. Rèn luyện kỹ năng
2. Phương pháp dạy học tích cực.

II. NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO

1. Đề tài/ dự án:

TT	Tên đề tài/ dự án	Mã số & cấp quản lý/ Thuộc chương trình	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm/ Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
	Nghiên cứu chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Dương, giai đoạn 1997 - 2014	15/ HĐ - NCKHP TCN	12 tháng	43,566	Chủ nhiệm	17/2/2016	Tốt

2. Hướng dẫn học viên cao học, nghiên cứu sinh:

TT	Tên học viên cao học, nghiên cứu sinh	Tên luận văn/ luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Vai trò hướng dẫn (chính hay phụ)	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách:

1.1 Sách xuất bản Quốc tế:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

1.2. Sách xuất bản trong nước:

TT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)
	GIÁ TRỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN XÃ HỘI TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG	ĐH KHCHNV TP HCM	2016	Đồng tác giả		

2. Các bài báo:

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Số hiệu ISSN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Sử dụng phương pháp thảo luận trong dạy học Địa lí 12, bài: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.	1859 - 4433		
2	Tiếp cận tiết dạy học địa lí ở trường phổ thông theo phương pháp chủ động.	1859 - 4433		
3	Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bản đồ trong chương trình địa lí ở THCS	1859 - 4433		
4	Phát triển kinh tế và vấn đề nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Dương	1859 - 3100		

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo Quốc tế:

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
	Vũ Hải Thiên Nga, Đổi mới giáo dục trong thời kỳ đất nước thống nhất và ảnh hưởng của nó đến chất lượng nguồn lao động, VN 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập, ĐH Thủ Dầu Một.			

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị/ Hội thảo trong nước (có quy mô tổ chức cấp Trường hoặc tương đương trở lên):

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị/ Hội thảo, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Số hiệu ISBN	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Ghi chú
1	Rèn luyện kỹ năng giảng dạy cho sinh viên cao đẳng sư phạm địa lí trường đại học Thủ Dầu Một thông qua học phần lí luận dạy học địa lí.			
2	Phát huy giá trị của các điểm di tích lịch sử			

	trong phát triển du lịch ở Điện Biên Phủ			
3	Rèn luyện kỹ năng địa lý cho học sinh lớp 9 - THCS			
4	Phương pháp hướng dẫn học sinh khai thác tri thức từ bản đồ trong sách giáo khoa địa lý 11 (c bản)			
5	Đánh giá chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Dương trong thời kỳ đô thị hóa thông qua chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người.			
6	Hình thành năng lực chuyên biệt cho sinh viên sư phạm Địa lý đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng CDIO.			
7	Đào tạo giáo viên Địa lý chất lượng cao theo phương pháp CDIO tại trường Đại học Thủ Dầu Một			
8	Phương pháp hướng dẫn học sinh làm việc với bảng số liệu thống kê trong dạy học địa lý lớp 10			
9	Rèn luyện kỹ năng địa lý cho học sinh phổ thông			
10	Tác động của sự phát triển kinh tế đến chất lượng cuộc sống dân cư tỉnh Bình Dương (1997 – 2014)			
11	Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học ở Việt nam thực trạng và giải pháp			
12	Thiết kế hoạt động dạy học tăng tính kết nối lý thuyết và thực tiễn trong chương khí quyển – học phần địa lý tự nhiên đại cương 2.			

IAN
ƯỜNG
HỌC
TƯ MỘT
BƯỞI

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ:

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp

2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả

3. Bằng giải pháp hữu ích:

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu:

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình, hội đồng khoa học cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị, Hội thảo về KH&CN cấp Quốc gia, Quốc tế:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị, Hội thảo</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời:

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

Bình Dương, ngày 5 tháng 6 năm 2019

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị



Người khai
(Họ tên và chữ ký)

Vũ Hải Thiên Nga



LÝ LỊCH KHOA HỌC¹

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

[illegible]

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Ngành học: Địa lý Kinh tế và Phát triển vùng; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2016.

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Développement durable, Biodiversité et Aménagement des territoires Phát triển bền vững - Đa dạng sinh học và Quy hoạch lãnh thổ; Năm cấp bằng: 2018 ; Nơi đào tạo: Université Paris Saclay - France
- Thạc sĩ chuyên ngành: Dynamique des pays émergents et en développement - Sự năng động của các quốc gia đang phát triển và mới nổi ; Năm cấp bằng: 2019; Nơi đào tạo: Université Paris Saclay - France

3. Ngoại ngữ:

- | | |
|---------------|--------------------|
| 1. Tiếng Pháp | Mức độ sử dụng: B2 |
| 2. Tiếng Anh | Mức độ sử dụng: B1 |

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
3/2020	Đại học Thủ Dầu Một	Giảng viên

1 Phụ lục IV (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

--	--	--

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí



Xác nhận của cơ quan



....., ngày tháng năm

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Phạm Thanh Sang

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH⁵

Tên ngành: Du lịch; Mã số: 7810101

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của Trường	Ghi chú
	Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia	Đạt	
	Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành	Đạt	
	Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có)	Đạt	
	Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo).	Đạt	
	Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo	Đạt	
2	Đội ngũ giảng viên Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo	Đạt	
	Giảng viên cơ hữu Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: Số tiến sỹ cùng ngành: Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo	Đạt	
	2.4. Giảng viên thỉnh giảng	Đạt	
	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).	Đạt	

⁵ Phụ lục V (Kèm theo Thông tư số: 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo	Đạt	
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo	Đạt	
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định	Đạt	
	5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)	Đạt	

Bình Dương, ngày tháng năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS Ngô Hồng Điệp

Số: 209 /QĐ-ĐHTDM

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thủ Dầu Một gồm các ông, bà có tên sau đây:
(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. NGÔ HỒNG DIỆP



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo
trình độ đại học
(Kèm theo Quyết định số 209/QĐ-DHTDM ngày 04 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chương trình đào tạo
1	ThS. Trần Văn Tài	Phó Giám đốc Chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thông tin
2	TS. Nguyễn Xuân Dũng	Giảng viên	Thành viên	Công nghệ thông tin
3	ThS. Nguyễn Hải Vĩnh Cường	Giảng viên	Thành viên	Công nghệ thông tin
1	TS. Lê Thị Uyên Chi	Giám đốc Chương trình	Trưởng nhóm	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
2	TS. Ngô Đại Hùng		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
3	TS. Nguyễn Thị Liên Thương		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
4	ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm		Thành viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
1	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Toán kinh tế
2	ThS. Huỳnh Ngọc Diễm	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
3	ThS. Bùi Thị Ngọc Hân	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
4	TS. Mai Quang Vinh	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
5	ThS. Dương Thanh Huyền	Giảng viên	Thành viên	Toán kinh tế
1	ThS. Đỗ Đức Thiêm	Phó Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
2	TS. Hồ Đức Chung	Giảng viên	Thành viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
3	TS. Giang Minh Đức	Giảng viên	Thành viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
1	TS. Nguyễn Văn Thuý	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Du lịch
2	ThS. NCS Nguyễn Thanh Trang	Cố vấn chương trình	Thành viên	Du lịch
3	ThS. Phạm Thanh Sang	Giảng viên	Thành viên	Du lịch
4	ThS. Trần Thị Khánh Hòa	Thư ký chương trình	Thành viên	Du lịch

1	TS. Nguyễn Thị Liên Thương	Giám đốc chương trình	Trưởng nhóm	Công nghệ thực phẩm
2	TS. Ngô Đại Hùng	Giám đốc chương trình Hóa học	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
3	ThS. Huỳnh Nguyễn Thảo Vy	Viện Phát triển ứng dụng	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
4	ThS. Huỳnh Kim Ngân	Viện Phát triển ứng dụng	Thành viên	Công nghệ thực phẩm
5	ThS. Trần Thị Yến Nhi	Khoa Công nghệ thực phẩm	Thành viên	Công nghệ thực phẩm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.



TS. NGÔ HỒNG ĐIỆP



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách Hội đồng thẩm định
Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 231 /QĐ-ĐHTDM ngày 15 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

TT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS Bùi Thanh Hùng	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Công nghệ thông tin
2	PGS.TS Võ Thị Lưu Phương		Phản biện 1	Công nghệ thông tin
3	TS Huỳnh Trọng Thưa		Phản biện 2	Công nghệ thông tin
4	ThS Huỳnh Anh Tuấn		Ủy viên	Công nghệ thông tin
5	ThS Nguyễn Đình Thọ		Thư ký	Công nghệ thông tin
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
2	TS. Lê Nguyễn Uyên Chi		Phản biện 1	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
3	PGS.TS. Ngô Đại Nghiệp		Phản biện 2	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
4	TS. Võ Thanh Sang		Ủy viên	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
5	Phạm Thị Mỹ Trâm		Thư ký	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Du lịch
2	TS. Nguyễn Văn Thuý	Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 1	Du lịch
3	TS. Trần Cẩm Thi	Đại học Văn Lang	Phản biện 2	Du lịch
4	ThS.NCS. Đỗ Thu Thuong	Đại học Văn Lang	Ủy viên	Du lịch
5	ThS. Phạm Thanh Sang	Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Du lịch
1	TS. Ngô Hồng Điệp	Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Toán kinh tế
2	PGS. Nguyễn Huy Tuấn	Đại học Khoa học tự nhiên TP. HCM	Phản biện 1	Toán kinh tế
3	PGS. Lê Xuân Trường	Đại học Kinh tế TP. HCM	Phản biện 2	Toán kinh tế
4	TS. Nguyễn Thị Kim Ngân	Đại học Thủ Dầu Một	Ủy viên	Toán kinh tế
5	Huỳnh Ngọc Diễm	Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Toán kinh tế

1	TS. Đoàn Xuân Toàn	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Chủ tịch	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
2	PGS.TS. Phan Văn Ca	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM	Phản biện 1	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
3	TS. Trần Trung Duy	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, Cơ sở TP HCM	Phản biện 2	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
4	ThS. Nguyễn Thanh Sớm	Viễn thông Bình Dương	Ủy viên	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
5	ThS. Văn Hoàng Phương	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông
1	TS Hoàng Văn Chuyên	Đại học Tây Nguyên	Chủ tịch	Công nghệ thực phẩm
2	TS. Lê Nguyễn Uyên Chi	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 1	Công nghệ thực phẩm
3	ThS. Phạm Thị Mỹ Trâm	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 2	Công nghệ thực phẩm
4	TS. Lê Thanh Thanh	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Ủy viên	Công nghệ thực phẩm
5	ThS. Trần Ngọc Hùng	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Thư ký	Công nghệ thực phẩm

Số: 350/QĐ-DHTDM

Bình Dương, ngày 03 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng khoa học đào tạo
thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và định chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo gồm các ông, bà có tên sau đây:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo giúp Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một xem xét, góp ý Chương trình đào tạo trong hồ sơ mở ngành theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trường phòng Tổ chức, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT HĐTr;
- HT, các PHT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. NGÔ HỒNG DIỆP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Danh sách Hội đồng khoa học đào tạo thông qua hồ sơ mở ngành đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 350/QĐ-DHĐM ngày 03 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Mọt)

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	TS Ngô Hồng Diệp	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	ThS Lê Thị Kim Út	Trưởng phòng Đào tạo đại học	Thành viên	
3	ThS Huỳnh Công Danh	Trưởng phòng Tổ chức	Thành viên	
4	ThS Nguyễn Hữu Thuận	Trưởng phòng Cơ sở vật chất	Thành viên	
5	ThS Võ Thị Cẩm Vân	Giám đốc Trung tâm học liệu	Thành viên	
6	Và các ông bà Trưởng nhóm soạn thảo		Thành viên	Mời tham gia Hội đồng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Quang Hòa
2. Chức vụ: Nhân viên Sale
3. Tên đơn vị: Images Travel
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.
(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			X		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc			X		
10	Phương pháp nghiên cứu				X	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				X	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				X	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm			✓		
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓		
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động					✓
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Ngọc Tuấn
- Chức vụ: Trưởng phòng Tuyển dụng - Khách sạn
- Tên đơn vị:
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - Rất cao
 - 5.2 Cao
 - Trung bình
 - Thấp
 - Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - Trong vòng 5-10 năm: 15 người.
 - Trong vòng 10-20 năm: 25 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			X		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro					
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc				X	
10	Phương pháp nghiên cứu			X		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát			✓		
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✓
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá					✓
46	Trung thực					✓
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Thị Thuý Linh
- Chức vụ: Giám đốc
- Tên đơn vị: Công ty TNHH Kế hoạch của Linh Mỹ
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 12

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - Rất cao
 - (5.2) Cao
 - Trung bình
 - Thấp
 - Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới:
 - Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 - Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch			✓		
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			✓		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			✓		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu			✓		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững			✓		
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát					
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✓
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá					✓
46	Trung thực					✓
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Nguyễn Quốc Trường
2. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
3. Tên đơn vị: Khai Minh
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 27

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao ☒
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 10 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 15 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				☒	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				☒	
3	Tâm lý, hành vi khách				☒	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				☒	☒
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường					
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			☒		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			☒		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				☒	
9	Quy trình công việc			☒		
10	Phương pháp nghiên cứu			☒		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững			☒		
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					☒
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					☒

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện					✓
21	Tư duy hệ thống					✓
22	Sáng tạo					✓
23	Truyền cảm hứng					✓
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch			✓		
29	Điều hành du lịch			✓		
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch			✓		
31	Kinh doanh du lịch			✓		
32	Lên ý tưởng sự kiện			✓		
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện			✓		
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

Kỹ năng thu hút khách / cấp độ nhận thức
trong môi trường kinh doanh cũng rất khác nhau

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Huỳnh Công Thiệu
2. Chức vụ: Trưởng đơn vị
3. Tên đơn vị: Đơn vị
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp:

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 5.1. Rất cao 5.2. Cao 5.3. Trung bình 5.4. Thấp 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 6.1. Trong vòng 5-10 năm:.....người.
 6.2. Trong vòng 10-20 năm:.....người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4 : Cần thiết 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch			X		
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			X		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			X		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc			X		
10	Phương pháp nghiên cứu			X		
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					✓
15	Giao tiếp & đối ngoại					✓
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định					✓
17	Phân công, tổ chức & giám sát					✓
18	Nghiên cứu					✓
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp					
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện			✓		
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn			✓		
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)					
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/dam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Lê Thị Mỹ Linh
- Chức vụ: Phó phòng Nhân sự
- Tên đơn vị: Victorinox Diesel
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 20

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1 Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 20 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 25 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				X	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				X	
3	Tâm lý, hành vi khách				X	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				X	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				X	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro				X	
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch				X	
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				X	
9	Quy trình công việc				X	
10	Phương pháp nghiên cứu				X	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				X	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm					X
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					X

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					✓
15	Giao tiếp & đối ngoại					✓
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định					✓
17	Phân công, tổ chức & giám sát					✓
18	Nghiên cứu					✓
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm				✓	
27	Tự đánh giá khả năng làm việc				✓	
	Kỹ năng nghề nghiệp				✓	
28	Hướng dẫn du lịch					✓
29	Điều hành du lịch					✓
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch					✓
31	Kinh doanh du lịch					✓
32	Lên ý tưởng sự kiện					✓
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện					✓
34	Điều phối tổ chức sự kiện					✓
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống			✓		
	Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)			✓		
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư					✓
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....*Đảm bảo năng lực thực hành tự doanh nghiệp*.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

- Họ và tên người trả lời phiếu: Phan Nguyệt Quế
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Tên đơn vị: Vietnam Travel
- Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 20

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

- Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - Rất cao 5.2
 - Cao
 - Trung bình
 - Thấp
 - Không ý kiến
- Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - Trong vòng 5-10 năm: 15 người.
 - Trong vòng 10-20 năm: 25 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch					✓
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội					✓
3	Tâm lý, hành vi khách					✓
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				✓	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro				✓	
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch				✓	
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu					✓
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững					✓
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phân biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp					✓
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin					✓
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc					✓
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp					✓
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp					✓
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp					✓
42	Yêu nghề/đam mê					✓
43	Quan tâm đến người khác					✓
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo			✓		
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá			✓		

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Đang Hương Triều
2. Chức vụ: Đang Hương Triều
3. Tên đơn vị:
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp:

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm:.....người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm:.....người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.
(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường			✓		
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch			✓		
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức			✓		
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu				✓	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				✓	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống				✓	

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng				✓	
15	Giao tiếp & đối ngoại				✓	
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định				✓	
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu				✓	
19	Thích nghi với môi trường thay đổi				✓	
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống			✓		
22	Sáng tạo			✓		
23	Truyền cảm hứng			✓		
24	Ngoại ngữ giao tiếp			✓		
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin			✓		
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm			✓		
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓		
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện				✓	
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện				✓	
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bán				✓	
38	Pha chế thức uống				✓	
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp				✓	
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp				✓	
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp			✓		
42	Yêu nghề/đam mê			✓		
43	Quan tâm đến người khác			✓		
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

*Liên kết với các doanh nghiệp đang đào tạo / chủ
từng thực hành*

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng



PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC

Kính gửi Ông/Bà, Trường ĐH Thủ Dầu Một kính gửi đến quý vị phiếu khảo sát này nhằm mục đích lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp trong ngành Du lịch về nhu cầu và yêu cầu cần có đối với Cử Nhân ngành Du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Quý vị vui lòng điền các thông tin vào phiếu dưới đây. Những ý kiến này sẽ được trân trọng, phân tích và sử dụng để xây dựng chương trình nhằm đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP/NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Họ và tên người trả lời phiếu: Phan Đình Thống
2. Chức vụ: Đặc phái viên giám đốc
3. Tên đơn vị: Công ty cổ phần United Partners
4. Tổng số nhân viên trong doanh nghiệp: 30

KHẢO SÁT VỀ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC DU LỊCH

5. Nhu cầu nhân lực cho ngành Du lịch
 - 5.1. Rất cao
 - 5.2. Cao (5.2)
 - 5.3. Trung bình
 - 5.4. Thấp
 - 5.5. Không ý kiến
6. Số lượng nhân sự mà doanh nghiệp cần tuyển trong thời gian tới :
 - 6.1. Trong vòng 5-10 năm: 20 người.
 - 6.2. Trong vòng 10-20 năm: 40 người.

KHẢO SÁT VỀ YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH DU LỊCH

Ông/Bà vui lòng cho biết sự cần thiết trong việc đào tạo các năng lực của nhân lực ngành Du lịch cho chương trình đào tạo bậc đại học. Vui lòng đánh dấu X về phương án phù hợp.

(1: Không cần thiết; 2: Chưa cần thiết; 3: Ít cần thiết; 4: Cần thiết; 5: Rất cần thiết).

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
1	Văn bản pháp luật về du lịch				✓	
2	Địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội				✓	
3	Tâm lý, hành vi khách				✓	
4	Tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ du lịch				✓	
5	Nhu cầu khách hàng và xu hướng thị trường				✓	
6	Quản trị: nhân sự, chất lượng, tài chính, kinh doanh, chiến lược, rủi ro			✓		
7	Quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch		✓			
8	Xây dựng mối quan hệ, tổ chức				✓	
9	Quy trình công việc				✓	
10	Phương pháp nghiên cứu				✓	
11	Du lịch có trách nhiệm, bền vững				✓	
	Kỹ năng mềm					
12	Làm việc nhóm				✓	
13	Giải quyết vấn đề và xử lý tình huống					✓

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

STT	Câu hỏi	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
14	Đàm phán & thương lượng					
15	Giao tiếp & đối ngoại			✓		
16	Giải quyết vấn đề & ra quyết định			✓		
17	Phân công, tổ chức & giám sát				✓	
18	Nghiên cứu			✓		
19	Thích nghi với môi trường thay đổi		✓			
20	Tư duy phản biện				✓	
21	Tư duy hệ thống				✓	
22	Sáng tạo				✓	
23	Truyền cảm hứng				✓	
24	Ngoại ngữ giao tiếp				✓	
25	Sử dụng đa phương tiện tìm kiếm thông tin				✓	
26	Khả năng cập nhật kiến thức, kinh nghiệm					✓
27	Tự đánh giá khả năng làm việc			✓	✓	
Kỹ năng nghề nghiệp						
28	Hướng dẫn du lịch				✓	
29	Điều hành du lịch				✓	
30	Thiết kế chương trình/sản phẩm du lịch				✓	
31	Kinh doanh du lịch				✓	
32	Lên ý tưởng sự kiện			✓		
33	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện			✓		
34	Điều phối tổ chức sự kiện				✓	
35	Lễ tân				✓	
36	Làm phòng/buồng khách sạn				✓	
37	Phục vụ bàn			✓		
38	Pha chế thức uống			✓		
Thái độ (Năng lực tự chủ, trách nhiệm)						
39	Đạo đức nghề nghiệp				✓	
40	Tuân thủ luật pháp và quy định của nhà nước về ngành nghề và hoạt động doanh nghiệp				✓	
41	Tuân thủ theo các nội quy, quy định của doanh nghiệp				✓	
42	Yêu nghề/đam mê				✓	
43	Quan tâm đến người khác				✓	
44	Tôn trọng quyền cá nhân và quyền riêng tư				✓	
45	Tôn trọng sự khác biệt đa văn hoá				✓	
46	Trung thực				✓	
47	Năng động				✓	
48	Chu đáo				✓	
49	Thích nghi với sự thay đổi và toàn cầu hoá				✓	

Ý KIẾN KHÁC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Ông/Bà

Mẫu phiếu dành cho Nhà tuyển dụng

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2020

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Du lịch

Mã ngành: 7810101

I. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Vào lúc 8h ngày 20 tháng 2 năm 2020
- Địa điểm: Phòng họp 1 – Đại học Thủ Dầu Một, Số 06, Trần Văn Ôn, Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Thành phần tham dự

- Theo Quyết định số 231/QĐ - ĐHTDM ngày 15/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. 100% thành viên Hội đồng có mặt.

III. Nội dung

1) Tuyên bố lý do

Chủ tịch Hội đồng tuyên bố lý do và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thông qua Chương trình đào tạo trình độ và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Du lịch (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2) Thông qua nội dung và ý kiến

ThS. Phạm Thanh Sang thư ký Hội đồng, báo cáo tóm tắt về Chương trình. Sau khi nghe báo cáo, Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận, xem xét các yêu cầu theo quy định của Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là TT22) và nhận thấy Chương trình đều đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Chương trình đào tạo bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác.

- Mục tiêu đào tạo được xác định rõ ràng, đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT. Chuẩn đầu ra đã bao quát được các điều kiện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của người học, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

- Đề cương chi tiết xây dựng đúng mẫu, nội dung và kết cấu chương trình đáp ứng tốt cho yêu cầu đào tạo, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập đúng quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT, phù hợp với thực tiễn nhà trường và địa phương là tỉnh Bình Dương.

- Kế hoạch đào tạo: Phù hợp với tiến trình đào tạo, tuân tự theo yêu cầu các môn học và

việc hình thành kiến thức, kỹ năng, năng lực, đảm bảo tính vừa sức cho người học.

- Năng lực đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất và trang thiết bị thực tế đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 22/2017/TT- BGDĐT.

- Quy trình xây dựng đề án khoa học, các minh chứng đảm bảo theo quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT.

Góp ý khác:

Tăng cường các môn học tự chọn cho sinh viên.

100% các thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua Chương trình.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ cùng ngày.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(đã ký)

THƯ KÝ
(đã ký)

TS. Ngô Hồng Điệp

Ths. Phạm Thanh Sang